

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Số: /BGDĐT-GDPT

V/v xin ý kiến về dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ GDĐT về lĩnh vực giáo dục phổ thông khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2025*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và việc triển khai Nghị quyết số 176/2025/QH15 ngày 18/02/2025 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, Ban Chỉ đạo Trung ương đã ban hành Công văn số 43-CV/BCĐ ngày 20/3/2025 về Kế hoạch tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Một trong những nội dung, nhiệm vụ triển khai thực hiện là rà soát và phương án sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật liên quan để thực hiện chủ trương sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013, sắp xếp các đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Theo đó, để phù hợp với chủ trương thực hiện đề án mô hình địa phương 02 cấp, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã xây dựng và hoàn thiện Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ GDĐT về lĩnh vực giáo dục phổ thông khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

Bộ GDĐT đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ý kiến góp ý bằng văn bản đối với dự thảo Thông tư nêu trên và Thuyết minh dự thảo Thông tư; đồng thời gửi về Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục Phổ thông, địa chỉ: số 35 đường Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội) và gửi về địa chỉ email: vugdpt@moet.gov.vn trước ngày 10/6/2025 để tổng hợp ý kiến và tiếp tục hoàn thiện dự thảo Thông tư.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ GDĐT về lĩnh vực giáo dục phổ thông khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; (2) Bản thuyết minh chi tiết Thông tư sửa đổi, bổ sung).

Mọi chi tiết, xin liên hệ với Bộ GDĐT (qua ông Nguyễn Đức Mạnh, chuyên viên chính Vụ Giáo dục Phổ thông, số điện thoại: 0914111299, địa chỉ email: ndmanh.gdth@moet.gov.vn)./  


**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ Pháp chế (để p/h t/h);
- Các Sở GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ GDPT.

**KT. BỘ TRƯỞNG****THỦ TRƯỞNG****Phạm Ngọc Thường**

Số: /2025/TT-BGDDT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

## THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trong lĩnh vực giáo dục phổ thông khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 16 tháng 9 năm 2019; Luật Giáo dục sửa đổi, bổ sung ngày ... tháng ... năm 2025;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi, bổ sung ngày ... tháng ... năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về lĩnh vực giáo dục phổ thông khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2021/TT-BGDDT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau:

“1. Chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại hải đảo (sau đây gọi chung Ủy ban nhân dân cấp cơ sở) và các cơ quan có liên quan triển khai dạy học trực tuyến tại địa phương.”;

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

**“Điều 13. Ủy ban nhân dân cấp cơ sở**

1. Chỉ đạo các cơ quan có liên quan triển khai dạy học trực tuyến tại địa phương.

2. Bố trí nguồn lực bảo đảm hạ tầng kỹ thuật để tổ chức dạy học trực tuyến trên địa bàn.

3. Bố trí kinh phí bảo đảm đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng dạy học trực tuyến cho giáo viên, cán bộ quản lý.”;

3. Bãi bỏ Điều 14.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

### **“Điều 19. Trách nhiệm thi hành**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở, người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.”;

5. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp cấp cơ sở”; cụm từ “Ban Tuyên giáo Trung ương” bằng cụm từ “Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương”; cụm từ “Ủy ban VHGDĐT&ND của Quốc hội” bằng cụm từ “Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội” tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDDT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

6. Bỏ cụm từ “Phòng Giáo dục và Đào tạo” tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDDT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

### **Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2020/TT-BGDDT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đánh giá học sinh tiểu học**

1. Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 10 như sau:

“c) Học bạ số là Học bạ và được thực hiện trên môi trường số theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.”;

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 như sau:

“3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại hải đảo chỉ đạo các nhà trường trên cùng địa bàn tổ chức nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh hoàn thành chương trình tiểu học lên lớp 6 phù hợp với điều kiện của các nhà trường và địa phương.”;

3. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 14 như sau:

### **“Điều 14. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại hải đảo”;**

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 14 như sau:

“a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại hải đảo (sau đây gọi chung Ủy ban nhân dân cấp cơ sở) tổ chức thực hiện đánh giá học sinh tiểu học trên địa bàn.”;

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 14 như sau:

“b) Hướng dẫn sử dụng hồ sơ đánh giá, Học bạ của học sinh trong trường hợp triển khai hồ sơ đánh giá, Học bạ trên môi trường số theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.”;

6. Thay thế cụm từ “Phòng Giáo dục và Đào tạo” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp cơ sở”; cụm từ “Ban Tuyên giáo Trung ương” bằng cụm từ “Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương”; cụm từ “UBVHGDĐTNNĐ của Quốc hội” bằng cụm từ “Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội” tại Thông tư số 27/2020/TT-



BGDDT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đánh giá học sinh tiểu học.

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2020/TT-BGDDT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 5 như sau:

“a) Góc trên bên trái: Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại hải đảo (sau đây gọi chung Ủy ban nhân dân cấp cơ sở) và tên đơn vị cấp cơ sở.”;

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

**“Điều 6. Phân cấp quản lý**

1. Trường tiểu học do Ủy ban nhân dân cấp cơ sở thành lập và quản lý. Các lớp tiểu học, cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Thông tư này do cấp có thẩm quyền thành lập quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp cơ sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục đối với các loại hình trường, lớp tiểu học trên địa bàn.”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 như sau:

“3. Tham gia điều tra, cập nhật số liệu và quản lý hồ sơ phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ theo địa bàn được phân công; phối hợp kiểm tra, đánh giá kết quả phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ của cấp cơ sở; tham mưu chính quyền cấp cơ sở đề nghị ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ theo quy định.”;

4. Thay thế cụm từ “Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở”; cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở”; cụm từ “Ban Tuyên giáo Trung ương” bằng cụm từ “Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương”; cụm từ “UBVHGDTNTNNĐ của Quốc hội” bằng cụm từ “Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội” tại Thông tư số 28/2020/TT-BGDDT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học.

**Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BGDDT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Thông tư này áp dụng đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh); các xã, phường, đặc khu tại hải đảo (sau đây gọi chung là cơ sở); các tổ chức và cá nhân liên quan.”;

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 8 như sau:

“Kiểm tra thực tế tại ít nhất 12 đơn vị cơ sở, mỗi đơn vị cơ sở ít nhất 02 hộ gia đình.”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Chỉ đạo mỗi cơ sở có một Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xoá mù chữ do lãnh đạo cơ sở làm trưởng ban; có người phụ trách công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; có người phụ trách vận hành hệ thống thông tin quản lí phổ cập giáo dục, xoá mù chữ.”;

4. Thay thế từ “huyện” bằng cụm từ “cơ sở”; cụm từ “Ban Tuyên giáo Trung ương” bằng cụm từ “Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương” tại Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ.

**Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 8 như sau:

“a) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại hải đảo (sau đây gọi chung là cấp cơ sở), cơ quan chuyên môn quản lí giáo dục và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm;”;

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

**“Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp cơ sở**

1. Chịu trách nhiệm quản lí hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn; xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

3. Thực hiện giám sát, kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về thời giờ làm việc, giờ làm thêm và các quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ của các tổ chức, cá nhân dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường trên địa bàn.”;

3. Bãi bỏ Điều 11;

4. Bãi bỏ Điều 12;

5. Bỏ cụm từ “Phòng Giáo dục và Đào tạo” tại tiêu đề của Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm.

**Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật**

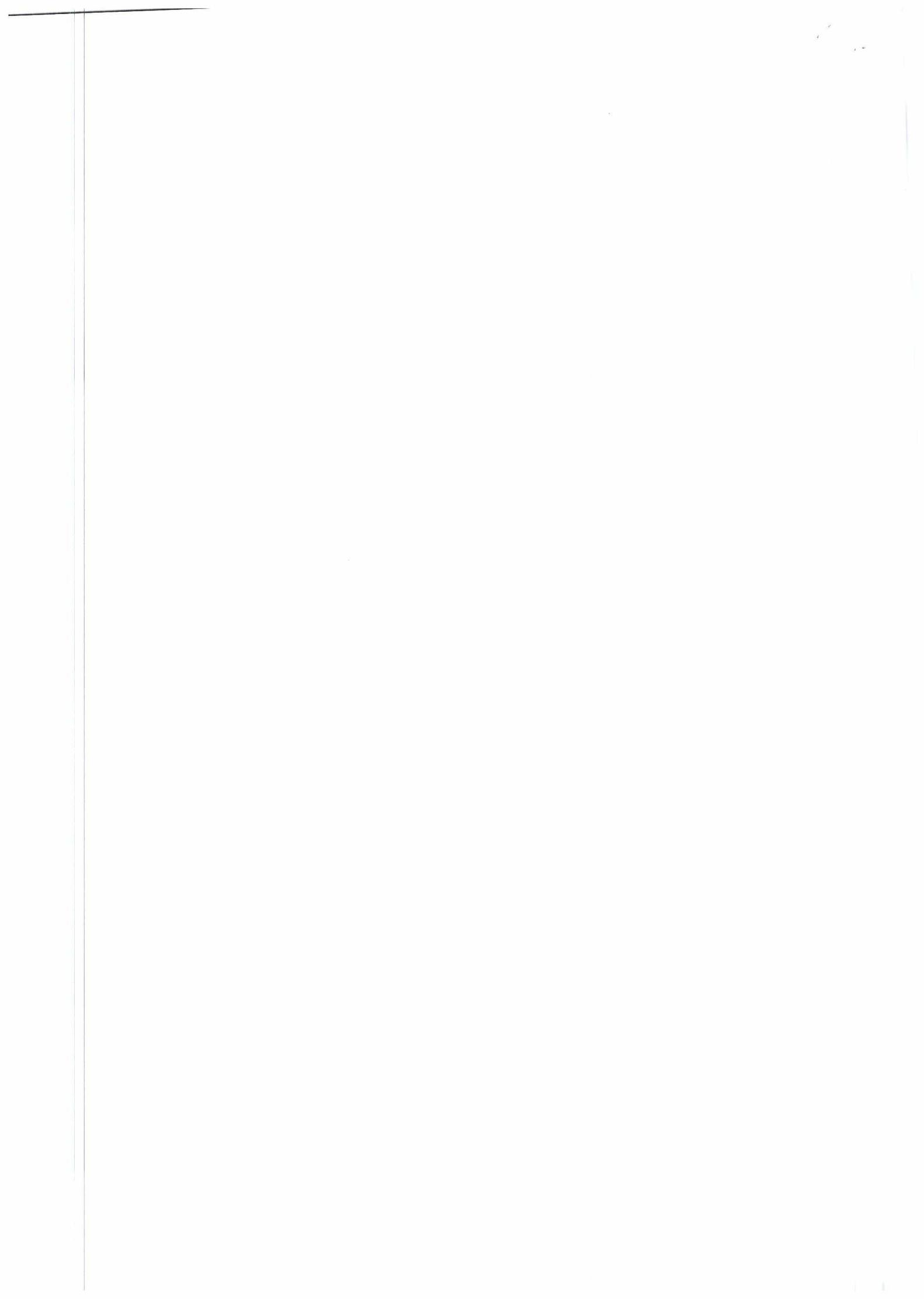
1. Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 16 như sau:

“d) Đảm bảo ngân sách và các Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi đáp ứng yêu cầu chăm sóc, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, giảng viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu chất lượng giáo dục hòa nhập của địa phương; chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo và ủy ban nhân dân cấp xã đảm bảo các Điều kiện tối thiểu đáp ứng yêu cầu giáo dục hòa nhập tại địa phương;”;

2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 16.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 như sau:





“3. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo các ban, ngành phối hợp với cơ sở giáo dục trên địa bàn Điều tra, phát hiện, can thiệp sớm và thực hiện có hiệu quả giáo dục hòa nhập tại địa phương; Xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật trên địa bàn; Thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục hòa nhập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; vận động và tổ chức, tạo Điều kiện để người khuyết tật học hòa nhập tại cơ sở giáo dục; Chỉ đạo thực hiện Chương trình, kế hoạch, quy hoạch phát triển giáo dục hòa nhập tại địa phương; Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định về giáo dục hòa nhập tại địa phương; Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện giáo dục hòa nhập với sở giáo dục và đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”;

**3. Sửa đổi khoản 5 Điều 17 như sau:**

“5. Phối hợp với cơ quan, ban, ngành của tỉnh trong việc hướng dẫn cơ sở giáo dục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thực hiện chính sách về giáo dục hòa nhập tại địa phương.”

**4. Sửa đổi khoản 6 Điều 17 như sau:**

“6. Hướng dẫn cơ sở giáo dục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ cộng đồng, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước hỗ trợ giáo dục hòa nhập tại địa phương.”;

**5. Bãi bỏ Điều 18.**

**Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2009/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Ban hành quy định giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn**

**1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 như sau:**

“2. Ủy ban nhân dân cấp xã này có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch, ngân sách giáo dục hòa nhập vào kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, giáo dục chung của địa phương và trình Hội đồng nhân dân cấp xã phê duyệt. Phối hợp với các cơ quan ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục hòa nhập;

b) Thành lập nhóm cán bộ cốt cán về giáo dục hòa nhập; hợp đồng lao động với nhân viên hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục hòa nhập;

c) Phân công cán bộ phụ trách về công tác giáo dục hòa nhập; kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ giáo dục hòa nhập đối với các cơ sở giáo dục thuộc quyền quản lý;

d) Chỉ đạo công tác tuyên truyền, phối hợp với ngành giáo dục thực hiện giáo dục hòa nhập; vận động, tổ chức để đưa trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đến trường học; huy động các nguồn lực cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em có hoàn cảnh khó khăn;

đ) Chỉ đạo và giải quyết chính sách cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, nhân viên hỗ trợ, giáo viên trực tiếp giáo dục hòa nhập;

e) Báo cáo định kỳ công tác giáo dục hòa nhập trẻ em có hoàn cảnh khó khăn theo yêu cầu của sở giáo dục và đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”

**2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 24 như sau:**

“3. Phân công cán bộ chịu trách nhiệm chính về công tác giáo dục hòa nhập; kiểm tra, thanh tra, đánh giá và hỗ trợ giáo dục hòa nhập đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở.”;

3. Bãi bỏ Điều 5 và sửa đổi, cấu trúc lại, bổ sung vào khoản 2 điều 23.

**Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TB-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 như sau:

“4. Bồi dưỡng, tư vấn cho người khuyết tật và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có nhu cầu về tâm lý, sức khỏe, giáo dục, hướng nghiệp, dạy nghề”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 như sau:

“1. Trung tâm thực hiện các hoạt động hỗ trợ giáo dục hòa nhập theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở giáo dục trực thuộc sở giáo dục và đào tạo, cơ sở trợ giúp xã hội trong địa bàn phụ trách”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 như sau:

“4. Hướng nghiệp, dạy nghề, giới thiệu việc làm cho người khuyết tật”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 28 như sau:

“Các công trình xây dựng phục vụ cho học sinh khuyết tật học tập phải bao đảm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về xây dựng;”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 32 như sau:

“2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với sở giáo dục và đào tạo hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của các Trung tâm trên địa bàn.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 33 như sau:

“4. Đầu mỗi năm học, sở giáo dục và đào tạo yêu cầu các ban văn hóa, giáo dục, xã hội và cơ sở giáo dục trực thuộc, các cơ sở trợ giúp xã hội báo cáo hoặc tổng hợp nhu cầu được hỗ trợ giáo dục hòa nhập gửi về Trung tâm để Trung tâm có căn cứ xây dựng kế hoạch hỗ trợ giáo dục hòa nhập.”

7. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 34 như sau:

**“Điều 34. Trách nhiệm của các ban văn hóa, giáo dục và xã hội trên địa bàn Trung tâm được giao phụ trách”**

**Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TB-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 15 như sau:

“c) Nội dung hoạt động, học tập của học sinh khuyết tật được xây dựng trên cơ sở nội dung giáo dục kỹ năng đặc thù, dạy nghề và nội dung được quy định tại chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với khả năng, nhu cầu cá nhân”;

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Đối với Lớp giáo dục chuyên biệt của trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: chương trình và kế hoạch giáo dục được xây dựng trên cơ sở nội dung giáo dục kỹ năng đặc thù, dạy nghề và nội dung chương trình giáo dục thường xuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp với khả năng, nhu cầu của cá nhân học sinh khuyết tật;”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 26 như sau:

“1. Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan hướng dẫn, thanh tra và kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của các Trường giáo dục chuyên biệt, trường có Lớp giáo dục chuyên biệt trên địa bàn.”;

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 26 như sau:

“4. Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Y tế trong việc triển khai các chính sách bảo trợ xã hội, hỗ trợ về y tế và phục hồi chức năng nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đối với học sinh khuyết tật của các Trường giáo dục chuyên biệt, Lớp giáo dục chuyên biệt trên địa bàn.”;

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 26 như sau:

“1. Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trường giáo dục chuyên biệt, trường có Lớp giáo dục chuyên biệt trên địa bàn.”;

6. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 28 như sau:

**“Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã”;**

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 28 như sau:

“1. Phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của trường có Lớp giáo dục chuyên biệt theo thẩm quyền.”;

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 như sau:

“2. Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường có Lớp giáo dục chuyên biệt công lập theo thẩm quyền để phục vụ cho công tác dạy học, giáo dục đối với học sinh khuyết tật.”;

9. Bãi bỏ Điều 29;

**Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Đối với giáo dục phổ thông

Người đứng đầu cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục theo phân cấp căn cứ kết quả học tập các môn học, hoạt động giáo dục của người khuyết tật để xét lên lớp hoặc xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học, cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông đối với người khuyết tật học theo chương trình giáo dục chung hoặc căn cứ vào kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với người khuyết tật không đáp ứng được chương trình giáo dục chung để xét lên lớp hoặc xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học, cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông.”;

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

**“Điều 8. Chính sách học phí**

Người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo các quy định hiện hành.”;

3. Sửa đổi, bổ sung ý 1, điểm a, khoản 1, Điều 8 như sau :

“- Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước.”;

4. Sửa đổi, bổ sung ý 2, điểm a, khoản 1, Điều 8 như sau :

“- Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp.”;

5. Sửa đổi, bổ sung ý 1, điểm a, khoản 2, Điều 8 như sau :

“- Đối với người khuyết tật học tại cơ sở giáo dục trực thuộc cấp xã quản lý gửi về ủy ban nhân dân cấp xã.”;

6. Sửa đổi, bổ sung ý 3, điểm a, khoản 2, Điều 8 như sau :

“- Đối với người khuyết tật có nơi thường trú trên địa bàn xã, đang học tại các cơ sở giáo dục đại học, trung cấp chuyên nghiệp trong phạm vi cả nước gửi về ủy ban nhân dân cấp xã.”;

7. Sửa đổi, bổ sung ý 5, điểm a, khoản 2, Điều 8 như sau :

“- Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước.”;

8. Sửa đổi, bổ sung ý 6, điểm a, khoản 2, Điều 8 như sau :

“- Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp.”;

9. Sửa đổi, bổ sung ý 1, điểm b, khoản 2, Điều 8 như sau :

“- Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục trực thuộc cấp xã.”;

10. Sửa đổi, bổ sung ý 3, điểm b, khoản 2, Điều 8 như sau:

“Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học có nơi thường trú trên địa bàn xã, đang học tại các cơ sở giáo dục đại học, trung học chuyên nghiệp ngoài công lập trên phạm vi cả nước.”;

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 9 như sau :

“2. Cơ sở giáo dục công lập nơi có người khuyết tật bỏ học hoặc bị buộc thôi học có trách nhiệm gửi thông báo cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp; cơ sở giáo dục ngoài công lập nơi người khuyết tật bỏ học hoặc bị buộc thôi học có trách nhiệm gửi thông báo về ủy ban nhân dân cấp xã, sở giáo dục và đào tạo chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày người khuyết tật bỏ học hoặc bị buộc thôi học để dừng cấp học bổng và kinh phí hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập.”;

12. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục – Đơn đề nghị như sau :

- Thay cụm từ “Hộ khẩu thường trú” bằng cụm từ “Nơi thường trú”;

- Bỏ cụm từ “Huyện (Quận)”;

**Điều 11. Bài bỏ Thông tư 58/2012/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Quy định điều kiện và thủ tục thành lập, hoạt động, đình chỉ hoạt động, tổ chức lại, giải thể Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập.**

**Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Sửa đổi Điều 5 của Quy chế như sau:

**“Điều 5. Tên trường, biển tên trường**

1. Việc đặt tên trường PTDTNT được quy định như sau:

Trường PTDTNT trung học cơ sở/trường PTDTNT trung học phổ thông/trường PTDTNT trung học cơ sở và trung học phổ thông + tên riêng.

2. Tên trường được ghi trên quyết định thành lập, biển tên trường, con dấu và giấy tờ giao dịch của trường.

3. Biển tên trường ghi những nội dung sau:

a) Góc phía trên bên trái:

- Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và tên tỉnh;

- Dòng thứ hai: Sở Giáo dục và Đào tạo;

b) Ở giữa ghi tên trường theo quy định tại khoản 1 của Điều này;

c) Dưới cùng là địa chỉ, số điện thoại, email, website (nếu có) của nhà trường.”;

2. Sửa đổi Điều 6 của Quy chế như sau:

**“Điều 6. Phân cấp quản lý**

1. Trường PTDTNT do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý.

2. Trường Hữu Nghị 80, Trường Hữu Nghị T78 và Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc do bộ, ngành trung ương quản lý; chịu sự phối hợp quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo nơi trường đặt trụ sở về thực hiện chương trình, tổ chức thi tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp.”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 của Quy chế như sau:

**“2. Hồ sơ dự tuyển**

a) Tuyển sinh trung học cơ sở

- Bản kê khai thông tin học sinh bao gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân/số Căn cước công dân/số Căn cước của học sinh, địa chỉ thường trú;

- Học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ;

- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

b) Tuyển sinh trung học phổ thông

- Bản kê khai thông tin học sinh bao gồm: Họ và tên, số định danh cá nhân/số Căn cước công dân/số Căn cước, địa chỉ thường trú;

- Bản sao chứng thực hoặc bản chụp/photo kèm bản chính để đối chiếu bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời;

- Học bạ cấp trung học cơ sở;

- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).”;

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 của Quy chế như sau:

“2.Tuyển thẳng vào trường PTDTNT các đối tượng sau:

a) Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ.

b) Học sinh trung học cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Điều 9 của Quy chế này đạt giải cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp với các Bộ và cơ quan ngang bộ tổ chức trên quy mô toàn quốc đối với các cuộc thi, kì thi, hội thi (sau đây gọi chung là cuộc thi) về văn hóa, văn nghệ, thể thao, cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; đạt giải cuộc thi quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định chọn cử.”;

5. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 12 của Quy chế như sau:

“a) Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tuyển sinh đối với các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh.”;

**Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú ban hành kèm theo Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 5 Quy chế kèm theo Thông tư như sau:

“3. Biển tên trường ghi những nội dung sau:

a) Góc phía trên bên trái: Ủy ban nhân dân xã/phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) + tên đơn vị hành chính.

b) Ở giữa ghi tên trường theo quy định tại khoản 1 của Điều này. Đối với trường PTDTBT tiểu học, trường PTDTBT tiểu học và trung học cơ sở có điểm trường, tên điểm trường ghi dưới tên trường.

c) Dưới cùng ghi địa chỉ, số điện thoại, email, website (nếu có) của nhà trường.”;

2. Sửa đổi Điều 7 Quy chế kèm theo Thông tư như sau:

**“Điều 7. Phân cấp quản lý trường phổ thông dân tộc bán trú**

Trường PTDTBT tiểu học, trường PTDTBT trung học cơ sở và trường PTDTBT tiểu học và trung học cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.”;

**Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT ngày 22/11/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện**

**một số điều Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên**

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 3 Thông tư như sau:

“1. Trường tiểu học, trường trung học cơ sở tổng hợp nhu cầu học tiếng dân tộc thiểu số, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã; trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tổng hợp nhu cầu học tiếng dân tộc thiểu số, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo. Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp nhu cầu học tiếng dân tộc thiểu số của người học từ Ủy ban nhân dân các xã và các cơ sở giáo dục trực thuộc trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; căn cứ vào các điều kiện tổ chức dạy học cụ thể của địa phương xây dựng kế hoạch và tham mưu UBND cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc dạy học tiếng dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục.”.

**Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 như sau:

“3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện việc tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn; bố trí nhân sự, đảm bảo cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để chuẩn bị các điều kiện triển khai thực hiện tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một theo thẩm quyền quy định.”;

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 21 như sau:

“2. Hướng dẫn trường tiểu học có học sinh là người dân tộc thiểu số xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện; tập huấn và bồi dưỡng cho cán bộ quản lí, giáo viên về nội dung, phương pháp dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.”;

3. Sửa đổi tên Điều 22 như sau:

**“Điều 22: Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã”**

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 như sau:

“1. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn theo thẩm quyền quy định.”;

5. Bãi bỏ khoản 2 và khoản 3 Điều 22;

6. Sửa đổi số thứ tự khoản 4 Điều 22 như sau:

“2. Theo dõi, kiểm tra, phát hiện những khó khăn vướng mắc và có biện pháp hỗ trợ hiệu quả, phù hợp với điều kiện của địa phương trong quá trình thực hiện; kịp thời khen thưởng, biểu dương tập thể, cá nhân thực hiện tốt nhằm phát huy những kết quả đạt được trong việc tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân



tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn; báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo sau khi kết thúc thời gian dạy học.”;

**7. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 23 như sau:**

“3. Giải trình, giải quyết thắc mắc, kiến nghị, nhận xét và đánh giá kết quả dạy học trong phạm vi quyền hạn của hiệu trưởng các trường tiểu học; báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo trước khi năm học mới bắt đầu.”;

**8. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:**

**“Điều 26. Trách nhiệm thi hành**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, hiệu trưởng các trường tiểu học và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”.

**Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2023/TT-BGDDT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông**

**1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 7 như sau:**

“5. Cơ sở giáo dục lập hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa gửi về Ủy ban nhân dân xã (đối với cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở), Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông). Hồ sơ gồm:

- a) Quyết định thành lập Hội đồng của cơ sở giáo dục;
- b) Biên bản họp Hội đồng theo quy định tại khoản 3 Điều này;
- c) Danh mục sách giáo khoa được lựa chọn của cơ sở giáo dục.”;

**2. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:**

**“Điều 8. Thẩm định hồ sơ, phê duyệt kết quả lựa chọn sách giáo khoa**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này; báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo về kết quả lựa chọn sách giáo khoa của cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý lựa chọn.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này; rà soát báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả lựa chọn và danh mục sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục lựa chọn theo quy định tại khoản 1 Điều này; tổng hợp kết quả, lập danh mục sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục lựa chọn (kèm theo hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.”;

**3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau:**

“1. Trong quá trình sử dụng, căn cứ các kiến nghị của giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh (nếu có), cơ sở giáo dục báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở), Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông) về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa.”;

**4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 13 như sau:**

“d) Rà soát hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này; rà soát báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả lựa chọn và danh mục sách giáo khoa lựa chọn của các cơ sở giáo dục phổ thông; tổng hợp kết quả lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.”;

**5. Sửa đổi bổ sung Điều 15 như sau:**

**“Điều 15. Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức lựa chọn sách giáo khoa. Rà soát hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này; tổng hợp, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo danh mục lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý.

2. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý thông báo danh mục sách giáo khoa đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đến giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh; hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa theo quy định.

3. Tổng hợp dự toán, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí và các điều kiện về cơ sở vật chất để tổ chức lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Thực hiện kiểm tra việc tổ chức lựa chọn và sử dụng sách giáo khoa theo quy định của pháp luật.”;

**6. Sửa đổi, bổ sung điểm khoản 4, khoản 5 Điều 16 như sau:**

“4. Tổng hợp các kiến nghị của giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh (nếu có) về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông), Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở) trước khi tổ chức thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

5. Chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý giáo dục, học sinh, cha mẹ học sinh về việc tổ chức lựa chọn sách giáo khoa của cơ sở giáo dục theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này. Công khai, minh bạch các thông tin lựa chọn sách giáo khoa và giải trình trước dư luận về quyết định lựa chọn sách giáo khoa.”;

**7. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:**

**“Điều 18. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Thường xuyên và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, người đứng đầu các cơ sở giáo dục, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.”;

**8. “Bãi bỏ khoản 4 Điều 13”;**

9. Thay thế cụm từ “Phòng Giáo dục và Đào tạo” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã”.

**Điều 17. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2020/TT-**

**BGDDT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Biển tên trường ghi những nội dung sau:

a) Góc phía trên, bên trái:

- Đối với trường trung học có cấp học cao nhất là cấp trung học cơ sở: Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp cơ sở).”;

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, Ủy ban nhân dân cấp cơ sở quản lý.”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp cơ sở quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục có liên quan của trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông.”;

4. Sửa đổi, bổ sung điểm đ, khoản 1 Điều 10 như sau:

“đ) Thủ tục thành lập Hội đồng trường trung học công lập:

Căn cứ vào quy định về thành phần của hội đồng trường tại điểm b khoản 1 Điều này, hiệu trưởng đề nghị chính quyền cấp cơ sở cử đại diện tham gia hội đồng trường ; tổng hợp danh sách hội đồng trường do chính quyền cấp cơ sở, tập thể giáo viên và các tổ chức, đoàn thể nhà trường giới thiệu; làm tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở đối với cấp trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở.

Hiệu trưởng tổ chức phiên họp đầu tiên của hội đồng trường để bầu chủ tịch hội đồng trường bằng phiếu kín; làm tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở.”;

5. Sửa đổi, bổ sung điểm e, khoản 1 Điều 10 như sau:

“e) Hàng năm, nếu có sự thay đổi về nhân sự, hiệu trưởng làm tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cấp trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở), Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp trung học phổ thông) ra quyết định bổ sung, kiện toàn hội đồng trường.”;

6. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 11 như sau:

“c) Nhiệm kỳ của hiệu trưởng trường trung học là 05 năm. Sau mỗi năm học, hiệu trưởng được viên chức, nhân viên trong trường góp ý và cấp có thẩm quyền

đánh giá theo quy định. Hiệu trưởng công tác tại một trường trung học công lập có thể được bổ nhiệm lại với số lần không hạn chế để giữ một chức vụ quản lý, trừ trường hợp có quy định khác của Đảng và pháp luật chuyên ngành.”;

**7. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 11 như sau:**

“a) Về trình độ đào tạo và thời gian công tác: phải đạt trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục và đã dạy học ít nhất 05 năm (hoặc 04 năm đối với miền núi, hải đảo, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).”;

**8. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 4 Điều 11 như sau:**

“a) Đối với trường trung học công lập: Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đối với trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở và trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông.”;

**9. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 như sau:**

“3. Nhà trường tham gia điều tra, cập nhật số liệu và quản lý hồ sơ phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo địa bàn được phân công; phối hợp kiểm tra, đánh giá kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở của cấp cơ sở; tham mưu chính quyền cấp cơ sở đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo quy định.”;

**10. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 22 như sau:**

“4. Học sinh học hết chương trình trung học cơ sở, đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được Hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình và Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.”;

11. Bãi bỏ cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo” tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

**Điều 18. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông**

**1. Sửa đổi, bổ sung phần căn cứ như sau:**

“Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông.”;

**2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:**

“2. Hồ sơ xin miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm có: Đơn xin miễn học của học sinh và bệnh án hoặc giấy chứng nhận thương tật do bệnh viện khu vực hoặc bệnh viện đa khoa cấp.”;

**3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:**

“2. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục sử dụng Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học), Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), Học bạ

học sinh. Trường hợp sử dụng dạng hồ sơ điện tử, bộ phận chuyên môn về giáo dục của Ủy ban nhân dân xã hướng dẫn tổ chức thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.”;

**Điều 19. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Văn bản hợp nhất 07/VBHN/2022-BGDDT Quyết định chuyển trường và tiếp nhận học sinh và Thông tư 50/2021/TT-BGDDT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm f khoản 1 Điều 5 như sau:

“f) Giấy giới thiệu chuyển trường do hiệu trưởng nơi đi cấp.”;

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5 như sau: “Hiệu trưởng nhà trường nơi đến tiếp nhận hồ sơ và giải quyết theo quy định của Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo.”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau: “Việc chuyển trường được thực hiện khi kết thúc học kỳ I của năm học hoặc trong thời gian hè trước khai giảng năm học mới. Trường hợp ngoại lệ về thời gian, hiệu trưởng nhà trường xem xét quyết định theo hướng dẫn của sở Giáo dục và Đào tạo.”;

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau: “1. Hiệu trưởng nhà trường trực tiếp kiểm tra hồ sơ và xem xét, quyết định tiếp nhận theo hướng dẫn của sở Giáo dục và Đào tạo.”;

5. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 21 như sau: “c) Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Giáo dục và Đào tạo (cấp trung học phổ thông), Ủy ban nhân dân cấp xã (cấp trung học cơ sở) trong việc chuyển trường cho học sinh, tiếp nhận học sinh Việt Nam ở nước ngoài về nước, học sinh người nước ngoài học tại Việt Nam.”;

6. Bổ sung khoản 4 Điều 6 như sau: “Cơ sở giáo dục xây dựng, khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử để kết nối, chia sẻ dữ liệu học sinh về học bạ số, văn bằng số.”;

**Điều 20. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2024/TT-BGDDT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Trong năm tổ chức tuyển sinh, mỗi trường trung học cơ sở thành lập 01 (một) Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, thành phần gồm: Chủ tịch là Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng; Phó chủ tịch là Phó hiệu trưởng hoặc Tổ trưởng chuyên môn; thư ký và ủy viên là giáo viên, nhân viên của nhà trường.

Đối với các trường trung học cơ sở thuộc đại học, trường đại học, viện nghiên cứu, Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở do Giám đốc đại học, Hiệu trưởng trường đại học, Viện trưởng viện nghiên cứu trực tiếp quản lý quyết định thành lập.”;

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 6 như sau:

“b) Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đại học, trường đại học, viện nghiên cứu trực tiếp quản lý quy định.”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở. Kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở bao gồm các nội dung cơ bản sau: đối tượng tuyển sinh; chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh; tiêu chí xét tuyển; thời gian xét tuyển và công bố kết quả tuyển sinh. Kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở được công bố trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.

Đối với các trường trung học cơ sở thuộc đại học, trường đại học, viện nghiên cứu, kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở do Giám đốc đại học, Hiệu trưởng trường đại học, Viện trưởng viện nghiên cứu trực tiếp quản lý quyết định sau khi thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trường đặt trụ sở.”;

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở tổ chức việc xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh đã được phê duyệt; đề xuất danh sách học sinh trúng tuyển với Hiệu trưởng nhà trường để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

Đối với các trường trung học cơ sở thuộc đại học, trường đại học, viện nghiên cứu, danh sách học sinh trúng tuyển do Giám đốc đại học, Hiệu trưởng trường đại học, Viện trưởng viện nghiên cứu trực tiếp quản lý phê duyệt.”;

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

**“Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Chỉ đạo công tác tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.
2. Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh Trung học cơ sở.
3. Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo tuyển sinh trung học cơ sở; phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

4. Xử lí hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lí những trường hợp bất thường trong quá trình tổ chức tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

5. Chỉ đạo công tác kiểm tra việc tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

6. Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh trung học cơ sở theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện thống kê, thông tin, báo cáo về công tác tuyển sinh trung học cơ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.”;

6. Sửa đổi bổ sung khoản 3 Điều 18 như sau:

“3. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông trên địa bàn thực hiện công tác tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông.”;

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 18 như sau:

“5. Tổ chức kiểm tra công tác tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông, bao gồm công tác tuyển sinh của các trường trung học cơ sở, trung

học phổ thông thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, đại học, trường đại học, viện nghiên cứu trên địa bàn.”.

**Điều 21. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2023/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do hiệu trưởng ra quyết định thành lập. Mỗi cơ sở giáo dục có học sinh học hết lớp 9 trong năm xét công nhận tốt nghiệp thành lập 01 (một) Hội đồng.”;

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 8 như sau:

“Hội đồng gửi biên bản và danh sách được đề nghị công nhận tốt nghiệp cho hiệu trưởng phê duyệt.”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 8 như sau:

“Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận tốt nghiệp cho học sinh theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp.”;

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục tổ chức xét công nhận tốt nghiệp tốt nghiệp trung học cơ sở.”;

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

**“Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Bảo đảm nguồn kinh phí và các điều kiện để tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

2. Lưu trữ hồ sơ đề nghị công nhận tốt nghiệp, danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp và hồ sơ quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo quy định.

3. Báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả xét công nhận tốt nghiệp và danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp hằng năm.”;

5. Sửa đổi khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Ra Quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở.”;

6. Sửa đổi khoản 7 Điều 14 như sau:

“Ra Quyết định công nhận tốt nghiệp và công bố danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở, tổ chức cấp phát bằng tốt nghiệp cho học sinh được công nhận tốt nghiệp.”;

7. Thay thế cụm từ “Lập danh sách học sinh đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp gửi cơ sở giáo dục trình Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt” bằng cụm từ “Lập danh sách học sinh đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp gửi hiệu trưởng phê duyệt” tại điểm b khoản 2 Điều 7;

8. Bãi bỏ Điều 13.

**Điều 22. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**



**ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Thông tư này thay thế Thông tư số 13/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục.”;

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.”;

3. Sửa đổi, bổ sung điểm khoản 1 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư như sau:

“1. Trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại hải đảo (sau đây gọi chung Ủy ban nhân dân cấp cơ sở) quyết định cho phép thành lập, Ủy ban nhân dân cấp cơ sở quản lý.”;

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư như sau:

“2. Trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép thành lập, Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp cơ sở xây dựng nội dung phối hợp quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục có liên quan của trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông trên địa bàn.”;

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 7 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư như sau:

“b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở quyết định công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường đối với trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông. Thư ký hội đồng trường do chủ tịch hội đồng trường chỉ định.”;

4. Sửa đổi, bổ sung Điểm a khoản 3 Điều 9 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư như sau:

“a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở quyết định công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đối với trường



trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông.”;

### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Trong quá trình thực hiện Thông tư nếu có khó khăn, vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Giáo dục và Đào tạo để hướng dẫn, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

#### **Noi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ GD&ĐT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- UBND, Sở GD&ĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo Chính phủ; Cổng thông tin điện tử CP;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật;
- Các đơn vị thuộc Bộ GD&ĐT, Cổng TTĐT Bộ GD&ĐT;
- Lưu VT, Vụ GDPT, Vụ PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THÚ TRƯỞNG**

**Phạm Ngọc Thưởng**

# BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

### BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA MỘT SỐ THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VỀ LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>1. Thông tư số 09/2021/TT-BGDDT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên</b>				
1.1	Khoản 1 Điều 11	1. Chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các cơ quan có liên quan triển khai dạy học trực tuyến tại địa phương.	1. Chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại hải đảo (sau đây gọi chung Ủy ban nhân dân cấp cơ sở) và các cơ quan có liên quan triển khai dạy học trực tuyến tại địa phương.	Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện
1.2	Điều 13	<b>Điều 13. Ủy ban nhân dân cấp huyện</b> 1. Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có liên quan triển khai dạy học trực tuyến tại địa phương. 2. Bố trí nguồn lực bảo đảm hạ tầng kỹ thuật để tổ chức dạy học trực tuyến trên địa bàn. 3. Bố trí kinh phí bảo đảm đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng dạy học trực tuyến cho giáo viên, cán bộ quản lý.	<b>Điều 13. Ủy ban nhân dân cấp cơ sở</b> 1. Chỉ đạo các cơ quan có liên quan triển khai dạy học trực tuyến tại địa phương. 2. Bố trí nguồn lực bảo đảm hạ tầng kỹ thuật để tổ chức dạy học trực tuyến trên địa bàn. 3. Bố trí kinh phí bảo đảm đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng dạy học trực tuyến cho giáo viên, cán bộ quản lý.	Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện
1.3	Điều 14	<b>Điều 14. Phòng Giáo dục và Đào tạo</b> 1. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành kế hoạch, bố trí nguồn lực cho các cơ sở giáo dục phổ	Bãi bỏ	Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế		Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.4	Điều 19	thông thuộc phạm vi quản lý để tổ chức dạy học trực tuyến.				
1.5	Thông tư quy định các cụm từ	Điều 19. <b>Trách nhiệm thi hành</b> Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.	Điều 19. <b>Trách nhiệm thi hành</b> Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở, người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.	Điều 19. <b>Trách nhiệm thi hành</b> Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở, người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.	Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện	hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện
		“Ủy ban nhân dân cấp huyện”; “Ban Tuyên giáo Trung ương”; “Ủy ban VHGDĐT&ND của Quốc hội”; “Phòng Giáo dục và Đào tạo”	Thay thế bằng các cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp cơ sở”; “Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương”; “Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội”; Bỏ cụm từ “Phòng Giáo dục và Đào tạo”		Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện	Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện
<b>2. Thông tư số 27/2020/TT-BGDDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đánh giá học sinh tiêu học</b>						
2.1	Điểm c khoản 2 Điều 10		c) Học bạ số là Học bạ và được thực hiện trên môi trường số theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.		Thực hiện theo Chỉ thị số 24/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Học bạ số đối với giáo dục phổ thông	
2.2	Khoản 3 Điều 12		3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại trường trên cùng địa bàn tổ chức nghiệm thu, bàn giao hải đảo chỉ đạo các nhà trường trên cùng địa bàn tổ kết quả giáo dục học sinh hoàn thành chương trình tiêu	3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại trường trên cùng địa bàn tổ chức nghiệm thu, bàn giao hải đảo chỉ đạo các nhà trường trên cùng địa bàn tổ kết quả giáo dục học sinh hoàn thành chương trình tiêu	Thực hiện theo Chỉ thị số 24/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thực	

STT soát bô sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
2.3	Tên Điều 14	<p><b>Điều 14. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại hải đảo</b></p> <p><b>Điều 14. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại hải đảo, hiện đánh giá học sinh tiểu học trên địa bàn.</b></p>	<p>học lên lớp 6 phù hợp với điều kiện của các nhà trường và địa phương.</p> <p>hoàn thành chương trình tiêu học lên lớp 6 phù hợp với điều kiện của các nhà trường và địa phương.</p> <p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p> <p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p> <p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p> <p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p>
2.4	Điểm a khoản 1 Điều 14	<p>a) Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện đánh giá học sinh tiểu học trên địa bàn.</p> <p>a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại hải đảo (sau đây gọi chung Ủy ban nhân dân cấp cơ sở) tổ chức thực hiện đánh giá học sinh tiểu học trên địa bàn.</p>	<p>b) Hướng dẫn sử dụng hồ sơ đánh giá, Học bạ của học sinh trong trường hợp triển khai hồ sơ đánh giá, Học bạ điện tử.</p> <p>b) Hướng dẫn sử dụng hồ sơ đánh giá, Học bạ của học sinh trong trường hợp triển khai hồ sơ đánh giá, Học bạ trên môi trường số theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>
2.5	Điểm b khoản 1 Điều 14		
2.6	Thông tư quy định các cụm từ	<p>“Ủy ban nhân dân cấp huyện”, “Phòng Giáo dục và Đào tạo”, “Ban Tuyên giáo Trung ương”, “Ủy ban VHGD&amp;TTN&amp;NB của Quốc hội”</p>	<p>Thay thế bằng các cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp cáp cơ sở”, “Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương”, “Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội”</p> <p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p>

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3.1	Điểm a khoản 2 Điều 5	<p>a) Góc trên bên trái:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là cấp huyện) và tên đơn vị cấp huyện;</li> <li>- Dòng thứ hai: Phòng giáo dục và đào tạo.</li> </ul>	<p><b>3. Thông tư số 28/2020/TT-BGDDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học</b></p> <p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p>	
3.2	Điều 6	<p><b>Điều 6. Phân cấp quản lý</b></p> <p>1. Trường tiêu học do Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) thành lập và quản lý. Các lớp tiêu học, cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4</p> <p>Thông tư này do cấp có thẩm quyền thành lập quản lý.</p> <p>2. Phòng giáo dục và đào tạo giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục đối với các loại hình trường, lớp tiêu học trên địa bàn.</p>	<p><b>Điều 6. Phân cấp quản lý</b></p> <p>1. Trường tiêu học do Ủy ban nhân dân thành lập và quản lý. Trưởng tiêu học do Ủy ban nhân dân cấp cơ sở (tỉnh, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện)) thành lập và quản lý. Các lớp tiêu học, cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4</p> <p>Thông tư này do cấp có thẩm quyền thành lập quản lý.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp cơ sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục đối với các loại hình trường, lớp tiêu học trên địa bàn.</p>	<p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p>
3.3	Khoản 3 Điều 20	<p><b>Điều 20. Phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ, giáo dục hòa nhập</b></p> <p>3. Tham gia điều tra, cập nhật số liệu và quản lý hồ sơ; phối hợp kiểm tra, đánh giá kết theo địa bàn được phân công; phối hợp kiểm tra, đánh giá kết quả phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ của xã; tham mưu chính quyền cấp xã đề nghị ủy ban nhân dân cấp huyện kiêm tra công nhận đạt chuẩn phô so đe nghị ủy ban nhân dân cấp tinh kiêm tra công nhận dân cấp huyện kiêm tra</p>	<p><b>Điều 20. Phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ, giáo dục hòa nhập</b></p> <p>3. Tham gia điều tra, cập nhật số liệu và quản lý hồ sơ; tham mưu chính quyền cấp xã để nghị ủy ban nhân dân cấp huyện kiêm tra, lập danh mục bị kỷ luật, xử lý kỷ luật; phối hợp kiểm tra, đánh giá kết theo địa bàn được phân công; phối hợp kiểm tra, đánh giá kết quả phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ của xã; tham mưu chính quyền cấp xã để nghị ủy ban nhân dân cấp huyện kiêm tra công nhận đạt chuẩn phô so đe nghị ủy ban nhân dân cấp tinh kiêm tra công</p>	<p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p>

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3.4	Thông tư quy định các cụm từ	“Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo”; “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện”; “Ban Tuyên giáo Trung ương”; “Ủy ban VHGD&TN&ND của Quốc hội”	Thay thế bằng các cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cấp cơ sở”; “Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương”; “Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội”	Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện
4.1	Khoản 2 Điều 1	<p>2. Thông tư này áp dụng đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh); các huyện, trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là huyện); các xã, phường, đặc khu tại hải đảo (sau đây gọi chung là xã); các tổ chức và cá nhân liên quan.</p>	<p>2. Thông tư này áp dụng đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh); các xã, phường, đặc khu tại hải đảo (sau đây gọi chung là xã); các tổ chức và cá nhân liên quan.</p>	
4.2	Điểm b khoản 2 Điều 8	b) Kiểm tra thực tế tại ít nhất 80% số huyện, mỗi huyện ít nhất 02 xã, mỗi xã ít nhất 02 hộ gia đình.	Kiểm tra thực tế tại ít nhất 12 đơn vị cơ sở, mỗi đơn vị cơ sở ít nhất 02 hộ gia đình.	Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện
4.3	Khoản 2 Điều 10	2. Chỉ đạo mỗi huyện, mỗi xã có một Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xoá mù chữ do lãnh đạo cơ sở làm trưởng	2. Chỉ đạo mỗi cơ sở có một Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xoá mù chữ do lãnh đạo cơ sở làm trưởng	Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		<p>lãnh đạo xã làm trưởng ban; có người phụ trách công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; có người phụ trách vận hành hệ thống thông tin quản lí phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.</p>	<p>ban; có người phụ trách công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; có người phụ trách vận hành hệ thống thông tin quản lí phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.</p>	<p>Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p>
4.4	Thông tư quy định các từ, cụm từ	<p>“huyện”; “Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương”</p>	<p>“cơ sở”; “Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương”</p>	<p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p>
5.1	Điểm a khoản 2 Điều 8	<p>a) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan quản lý giáo dục và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm;</p>	<p>a) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan quản lý giáo dục và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm;</p>	<p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p>
5.2	Điều 10	<p><b>Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện</b></p> <p>1. Chịu trách nhiệm quản lí hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn.</p> <p>2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn; xử lí hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lí vi phạm.</p>	<p><b>Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp cơ sở</b></p> <p>1. Chịu trách nhiệm quản lí hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn.</p> <p>2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn; xử lí hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lí vi phạm.</p>	<p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p>

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5.3	Điều 11	<p>3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện giám sát, kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về thời giờ làm việc, giờ làm thêm và các quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ của các tổ chức, cá nhân dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường thêm, học thêm ngoài nhà trường trên địa bàn.</p> <p><b>Điều 11. Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo</b></p> <p>1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn.</p> <p>2. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm cho các nhà trường, các tổ chức và cá nhân liên quan thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>3. Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn quản lý; xử lí theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lí vi phạm.</p>	<p>3. Thực hiện giám sát, kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về thời giờ làm việc, giờ làm thêm và các quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ của các tổ chức, cá nhân dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường trên địa bàn.</p>	<p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p>
5.4	Điều 12	<p>1. Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan quản lý việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn.</p> <p>2. Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này.</p>	<p>Bãi bỏ</p>	<p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p>
5.5	Phụ lục 3	<p>“Phòng Giáo dục và Đào tạo”</p>	<p>Bài bối cùm từ “Phòng Giáo dục và Đào tạo”</p>	<p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương</p>

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế		Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
		(1)	(2)	(3)	(4)
<b>6. Thông tư số 03/2018/TT-BGDDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật</b>					
6.1	Điều 16. Ủy ban nhân dân các cấp	Điều 16. Ủy ban nhân dân các cấp	1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) d) Đàm bảo ngân sách và các Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi đáp ứng yêu cầu chăm sóc, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, giảng viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu chất lượng giáo dục hòa nhập của địa phương; chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo và ủy ban nhân dân cấp xã đảm bảo các Điều kiện tối thiểu đáp ứng yêu cầu giáo dục hòa nhập tại địa phương;	1. Ủy ban nhân dân tối thiểu về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi đáp ứng yêu cầu chăm sóc, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, giảng viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu chất lượng giáo dục hòa nhập của địa phương; chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo và <b>Ủy ban nhân dân cấp xã</b> đảm bảo các Điều kiện tối thiểu đáp ứng yêu cầu giáo dục hòa nhập tại địa phương;	Chuyển vai trò của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh sang vai trò của ủy ban nhân dân cấp xã khi thực hiện chính quyền 2 cấp
6.2	Khoản 2 Điều 16	Điều 16. Ủy ban nhân dân các cấp	2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) a) Chỉ đạo phòng giáo dục và đào tạo, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục hòa nhập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; vận động và tổ chức, tạo Điều kiện để người khuyết tật học hòa nhập tại cơ sở giáo dục;	2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) a) Chỉ đạo phòng giáo dục và đào tạo, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục hòa nhập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; vận động và tổ chức, tạo Điều kiện để người khuyết tật học hòa nhập tại cơ sở giáo dục;	Bãi bỏ khoản 2, bổ sung vào khoản 3 Điều 16 các nội dung của khoản 2 Điều 16 khi thực hiện chính quyền 2 cấp

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6.3	Khoản 3 Điều 16	<p><b>Điều 16. Ủy ban nhân dân các cấp</b></p> <p>3. Ủy ban nhân cấp xã chỉ đạo các ban, ngành phối hợp với cơ sở giáo dục trên địa bàn Điều tra, phát hiện, can thiệp sớm và thực hiện có hiệu quả giáo dục hòa nhập tại địa phương;</p>	<p><b>Điều 16. Ủy ban nhân dân các cấp</b></p> <p>3. Ủy ban nhân cấp xã chỉ đạo các ban, ngành phối hợp với cơ sở giáo dục trên địa bàn Điều tra, phát hiện, can thiệp sớm và thực hiện có hiệu quả giáo dục hòa nhập tại địa phương; Xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật trên địa bàn; Thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục hòa nhập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; vận động và tổ chức, tạo Điều kiện để người khuyết tật học hòa nhập tại cơ sở giáo dục; Chỉ đạo thực hiện Chương trình, kế hoạch, quy hoạch phát triển giáo dục hòa nhập tại địa phương; Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định về giáo dục hòa nhập tại địa phương; Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện giáo dục hòa nhập với sở giáo dục và đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p>	Bổ sung một số trách nhiệm của Phòng GD&ĐT và UBND cấp huyện khi thực hiện chính quyền 2 cấp (quy định tại khoản 2 Điều 16 và Điều 18 cũ)
6.4	Khoản 5 Điều 17	<p><b>Điều 17.Sở giáo dục và đào tạo</b></p> <p>5. Phối hợp với cơ quan, ban, ngành của tỉnh trong việc hướng dẫn phòng giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thực hiện chính sách về giáo dục hòa nhập tại địa phương.</p>	<p><b>Điều 17.Sở giáo dục và đào tạo</b></p> <p>5. Phối hợp với cơ quan, ban, ngành của tỉnh trong việc hướng dẫn cơ sở giáo dục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thực hiện chính sách về giáo dục hòa nhập tại địa phương.</p>	Bộ Phòng Giáo dục và Đào tạo
6.5	Khoản 6 Điều 17	<p><b>Điều 17.Sở giáo dục và đào tạo</b></p>	<p><b>Điều 17.Sở giáo dục và đào tạo</b></p>	Bộ Phòng Giáo dục và Đào tạo

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế		Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
		(1)	(2)	(3)	(4)
		6. Hướng dẫn phòng giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ cộng đồng, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước hỗ trợ giáo dục hòa nhập tại địa phương.	6. Hướng dẫn cơ sở giáo dục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ cộng đồng, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước hỗ trợ giáo dục hòa nhập tại địa bàn và quốc tế.	Bổ sung trách nhiệm Xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật trên địa bàn và khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực từ cộng đồng, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước hỗ trợ giáo dục hòa nhập.	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện giáo dục hòa nhập với sở giáo dục và đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vào khoản 3 Điều 16.
6.6	Điều 18	<p><b>Điều 18. Phòng giáo dục và đào tạo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật trên địa bàn và tham mưu để Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành và các tổ chức để triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục hòa nhập.</li> <li>Kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật của các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.</li> <li>Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện giáo dục hòa nhập với sở giáo dục và Ủy ban nhân dân cấp huyện.</li> </ol>		Bãi bỏ Điều 18	
7.1	Khoản 2 Điều 23	<p><b>7. Thông tư số 39/2009/TT-BGDD&amp;T ngày 29 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ban hành quy định giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Uỷ ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) chỉ đạo Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) thực hiện giáo dục hòa nhập trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Uỷ ban nhân dân các cấp này có trách nhiệm:             <ol style="list-style-type: none"> <li>Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt quy hoạch, kế hoạch, ngân sách giáo dục hòa nhập và đưa b) Thành lập nhóm cán bộ cốt cán về giáo dục hòa</li> </ol> </li> <li>Thay đổi trách nhiệm từ cấp huyện thành cấp xã;             <ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng kế hoạch, ngân sách giáo dục hòa nhập vào kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, giáo dục chung của địa phương và trình Hội đồng nhân dân cấp xã phê duyệt. Phối hợp với các cơ quan ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội triễn khai thực hiện kế hoạch giáo dục hòa nhập;</li> <li>Gộp điểm a khoản 2 điều 23 và điều 1 khoản điều</li> </ol> </li> </ol>			

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
7.1	Điều 24	<p>vào kế hoạch phát triển giáo dục chung của địa phương;</p> <p>b) Chỉ đạo và giải quyết chính sách cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, nhân viên hỗ trợ, giáo viên trực tiếp giáo dục hòa nhập;</p> <p>c) Chỉ đạo các ban, ngành các cấp tuyên truyền, phối hợp với ngành giáo dục thực hiện giáo dục hòa nhập; vận động, tổ chức để đưa trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đến trường học; huy động các nguồn lực cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.</p> <p>d) Chỉ đạo và giải quyết chính sách cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, nhân viên hỗ trợ, giáo viên trực tiếp giáo dục hòa nhập;</p> <p>e) Báo cáo định kỳ công tác giáo dục hòa nhập trẻ em có hoàn cảnh khó khăn theo yêu cầu của sở giáo dục và đào tạo, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.</p>	<p>nhập; hợp đồng lao động với nhân viên hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục hòa nhập;</p> <p>c) Phân công cán bộ phụ trách về công tác giáo dục hòa nhập; kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ giáo dục hòa nhập đối với các cơ sở giáo dục thuộc quyền quản lý;</p> <p>d) Chỉ đạo công tác tuyên truyền, phối hợp với ngành giáo dục thực hiện giáo dục hòa nhập; vận động, tổ chức để đưa trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đến trường học; huy động các nguồn lực cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.;</p> <p>e) Chỉ đạo và giải quyết chính sách cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, nhân viên hỗ trợ, giáo viên trực tiếp giáo dục hòa nhập;</p> <p>f) Phân công cán bộ chịu trách nhiệm chính về công tác giáo dục hòa nhập; kiểm tra, thanh tra, đánh giá và hỗ trợ giáo dục hòa nhập đối với các phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở.</p>	25 vào thành điểm a khoản 2 điều 23
7.2	Khoản 3 Điều 24	<p>3. Phân công cán bộ chịu trách nhiệm chính về công tác giáo dục hòa nhập; kiểm tra, thanh tra, đánh giá và hỗ trợ giáo dục hòa nhập đối với các phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở.</p> <p>Điều 25. Phòng giáo dục và đào tạo</p> <p>1. Tham mưu cho Uỷ ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập để Uỷ ban nhân dân cấp huyện xét, phê duyệt. Phối hợp với các cơ quan ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục hòa nhập.</p>	<p>Sửa lại câu, Bổ câu “các phòng giáo dục và đào tạo”</p> <p>Bổ toàn bộ điều 25 và sửa đổi, cấu trúc lại, bổ sung vào khoản 2 điều 23</p>	



STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
8.5	khoản 2 Điều 32	2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với sở giáo dục và đào tạo hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của các Trung tâm trên địa bàn.	2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với sở giáo dục và đào tạo hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của các Trung tâm trên địa bàn.	Thay đổi trách nhiệm từ Ủy ban nhân dân cấp huyện thành Ủy ban nhân dân cấp xã
8.6	khoản 4 Điều 33	4. Đầu mỗi năm học, sở giáo dục và đào tạo yêu cầu các ban văn hóa, giáo dục, xã hội và cơ sở giáo dục cơ sở trợ giúp xã hội báo cáo hoặc tổng hợp nhu cầu được hỗ trợ giáo dục hòa nhập gửi về Trung tâm để Trung tâm có căn cứ xây dựng kế hoạch hỗ trợ giáo dục hòa nhập.	4. Đầu mỗi năm học, sở giáo dục và đào tạo yêu cầu các ban văn hóa, giáo dục, xã hội và cơ sở giáo dục trực thuộc, các cơ sở trợ giúp xã hội báo cáo hoặc tổng hợp nhu cầu được hỗ trợ giáo dục hòa nhập gửi về Trung tâm để Trung tâm có căn cứ xây dựng kế hoạch hỗ trợ giáo dục hòa nhập.	Thay đổi trách nhiệm từ Phòng giáo dục và đào tạo thành Ban văn hóa, giáo dục, xã hội
8.7	Tên Điều 34	<b>Điều 34. Trách nhiệm của các phòng giáo dục và đào tạo trên địa bàn Trung tâm được giao phụ trách</b>	<b>Điều 34. Trách nhiệm của các ban văn hóa, giáo dục và xã hội trên địa bàn Trung tâm được giao phụ trách</b>	Thay đổi trách nhiệm từ Phòng giáo dục và đào tạo thành Ban văn hóa, giáo dục, xã hội
9.1	Điểm c Khoản 1 Điều 15	c) Nội dung hoạt động, học tập của học sinh khuyết tật xây dựng trên cơ sở nội dung giáo dục kỹ năng đặc thù và nội dung được quy định tại chương trình giáo dục đặc thù, dạy nghề và nội dung được quy định tại mầm non, chương trình giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với khả năng, nhu cầu cá nhân	c) Nội dung hoạt động, học tập của học sinh khuyết tật được xây dựng trên cơ sở nội dung giáo dục kỹ năng đặc thù, dạy nghề và nội dung được quy định tại chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với khả năng, nhu cầu cá nhân	Bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ dạy nghề cho Trung tâm
9.2	Điểm a Khoản 1 Điều 16	Đối với Lớp giáo dục chuyên biệt của trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: chương trình và kế hoạch giáo dục được xây dựng trên cơ sở nội dung giáo dục kỹ năng đặc thù, nội dung trên cơ sở nội dung giáo dục kỹ năng đặc thù, dạy nghề và nội dung chương trình giáo dục	Đối với Lớp giáo dục chuyên biệt của trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: chương trình và kế hoạch giáo dục được xây dựng trên cơ sở nội dung giáo dục kỹ năng đặc thù, nội dung trên cơ sở nội dung giáo dục kỹ năng đặc thù, dạy nghề và nội dung chương trình giáo dục	Bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ dạy nghề cho Trung tâm

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế		Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
9.3	Khoản 1 Điều 26	đục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp với khả năng, nhu cầu thường xuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp với khả năng, nhu cầu của cá nhân học sinh của cá nhân học sinh khuyết tật;				
9.4	Khoản 4 Điều 26	1. Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có quan hướng dẫn, thanh tra và kiểm tra việc tổ chức và khai thác công tác giáo dục chuyên biệt, trường giáo dục chuyên biệt, trường có Lớp giáo dục chuyên biệt trên địa bàn. 4. Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế trong việc triển khai các chính sách bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo, hỗ trợ về y tế và phục hồi chức năng nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và phát triển của học sinh khuyết tật và phục hồi chức năng nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục và đào tạo cho học sinh khuyết tật của các Trường giáo dục chuyên biệt, Lớp giáo dục chuyên biệt, Lớp giáo dục chuyên biệt trên địa bàn.	Thay đổi trách nhiệm từ Ủy ban nhân dân cấp huyện thành Ủy ban nhân dân cấp xã	Bổ sung thêm trách nhiệm quản lý trường có Lớp giáo dục chuyên biệt trên địa bàn cho Sở giáo dục và đào tạo		
9.5	Khoản 1 Điều 27	1. Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trường giáo dục chuyên biệt, trường có Lớp giáo dục chuyên biệt trên địa bàn.		Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã huyện	Thay đổi trách nhiệm từ Ủy ban nhân dân cấp huyện thành Ủy ban nhân dân cấp xã	
9.6	Tên Điều 28					
9.7	Khoản 1 Điều 28	1. Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, thanh tra việc tổ chức và hoạt động của trường có Lớp giáo dục chuyên biệt theo thẩm quyền.		1. Phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của trường có Lớp giáo dục chuyên biệt theo thẩm quyền.	Thay đổi trách nhiệm từ Phòng giáo dục và đào tạo	

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
9.8	Khoản 2 Điều 28	<p>2. Phê duyệt đề án vị trí việc làm nếu được ủy quyền; bố trí biên chế và kinh phí để tuyển dụng, hợp đồng giáo viên, viên chức đối với vị trí việc làm khác, lao động hợp đồng; đầu tư cơ sở vật chất cho các Trường giáo dục chuyên biệt công lập theo thẩm quyền nếu được giao, trường có Lớp giáo dục chuyên biệt công lập theo thẩm quyền để phục vụ cho công tác dạy học, giáo dục đối với học sinh khuyết tật.</p> <p>Điều 29. Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn có Trường giáo dục chuyên biệt, trường có Lớp giáo dục chuyên biệt</p> <p>Thực hiện quản lý việc tổ chức dạy học và giáo dục học sinh khuyết tật (nếu có) đối với cấp học mầm non, cấp học tiểu học và trung học cơ sở của Trường giáo dục chuyên biệt, trường có Lớp giáo dục chuyên biệt đặt địa điểm trên địa bàn.</p>	<p>2. Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường có Lớp giáo dục chuyên biệt công lập theo thẩm quyền để phục vụ cho công tác dạy học, giáo dục đối với học sinh khuyết tật.</p> <p>Điều 29. Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn có Trường giáo dục chuyên biệt, trường có Lớp giáo dục chuyên biệt</p> <p>Thực hiện quản lý việc tổ chức dạy học và giáo dục học sinh khuyết tật (nếu có) đối với cấp học mầm non, cấp học tiểu học và trung học cơ sở của Trường giáo dục chuyên biệt, trường có Lớp giáo dục chuyên biệt đặt địa điểm trên địa bàn.</p>	<p>Thay đổi trách nhiệm từ Ủy ban nhân dân cấp huyện thành Ủy ban nhân dân cấp xã</p> <p>Bổ nhiệm vụ thanh tra</p>
9.9	Điều 29	<p>Bãi bỏ</p> <p>Không còn Phòng giáo dục và đào tạo</p>		
10.1	Thông tư liên tịch	<p>Theo các quy định của pháp luật thì hiện nay không còn hình thức thông tư liên tịch. Do vậy, việc bổ sung, điều chỉnh Thông tư này cần tham vấn ý kiến của Vụ Pháp chế.</p>		

#### 10. Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật

Theo các quy định của pháp luật thì hiện nay không còn hình thức thông tư liên tịch. Do vậy, việc bổ sung, điều chỉnh Thông tư này cần tham vấn ý kiến của Vụ Pháp chế.

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế		Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
		(1)	(2)	(3)	(4)
10.2	Khoản 1 Điều 5	<b>Điều 5. Xét lên lớp và cấp bằng tốt nghiệp</b> 1.Đối với giáo dục phổ thông Người đứng đầu cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục theo phân cấp căn cứ kết quả học tập các môn học, hoạt động giáo dục của người khuyết tật để xét lên lớp xác nhận hoàn thành chương trình học, cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông đối với người khuyết tật học theo chương trình giáo dục chung hoặc căn cứ vào kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục chung hoặc căn cứ vào kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với người khuyết tật không đáp ứng được chương trình giáo dục chung để xét lên lớp chung để xét lên lớp hoặc xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học, cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông.	<b>Điều 5. Xét lên lớp và cấp bằng tốt nghiệp</b> 1.Đối với giáo dục phổ thông Người đứng đầu cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục theo phân cấp căn cứ kết quả học tập các môn học, hoạt động giáo dục của người khuyết tật để xét lên lớp hoặc xác nhận hoàn thành chương trình tiêu học, cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông đối với người khuyết tật học theo chương trình giáo dục chung hoặc căn cứ vào kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với người khuyết tật không đáp ứng được chương trình giáo dục chung để xét lên lớp hoặc xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học, cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông.		
10.3	Điều 6	<b>Điều 6. Chính sách về học phí</b> Người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ.	<b>Điều 6. Chính sách về học phí</b> Người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Luật Giáo dục sửa đổi		Phù hợp với các quy định hiện hành

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
10.4	Ý 1, Điểm a, Khoản 1, Điều 8	<p>Điều 8. Trình tự, thủ tục <b>hồ sơ và phương thức chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch này</b></p> <p>1. Đối với người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục công lập</p> <p>a) Trình tự, thủ tục và hồ sơ:</p> <p>- Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao có công chứng)</p>	<p>Điều 8. Trình tự, thủ tục <b>hồ sơ và phương thức chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch này</b></p> <p>1. Đối với người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục công lập</p> <p>a) Trình tự, thủ tục và hồ sơ:</p> <p>- Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước</p>	<p>Bổ "bản sao có công chứng"</p> <p>Cắt giảm thủ tục hành chính</p>
10.5	Ý 2, Điểm a, Khoản 1, Điều 8	<p>Điều 8. Trình tự, thủ tục <b>hồ sơ và phương thức chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch này</b></p> <p>1. Đối với người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục công lập</p> <p>a) Trình tự, thủ tục và hồ sơ:</p> <p>- Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có công chứng)</p>	<p>Điều 8. Trình tự, thủ tục <b>hồ sơ và phương thức chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch này</b></p> <p>1. Đối với người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục công lập</p> <p>a) Trình tự, thủ tục và hồ sơ:</p> <p>- Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp</p>	<p>Bổ "bản sao có công chứng"</p> <p>Cắt giảm thủ tục hành chính</p>
10.6	Ý 1, Điểm a, Khoản 2, Điều 8	<p>Điều 8. <b>Trình tự, thủ tục hồ sơ và phương thức chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch này</b></p> <p>2. Đối với người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập</p> <p>a) Trình tự, thủ tục và hồ sơ:</p>	<p>Điều 8. Trình tự, thủ tục <b>hồ sơ và phương thức chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch này</b></p> <p>2. Đối với người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập</p>	<p>Thay đổi trách nhiệm từ phòng giáo dục – đào tạo về ủy ban nhân dân cấp xã</p>

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế		Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		- Đối với người khuyết tật học tại cơ sở giáo dục trực thuộc quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi: Đối với người khuyết tật học tại cơ sở giáo dục trực chung là cấp huyện) quản lý gửi về phòng giáo dục và thuộc cấp xã quản lý gửi về ủy ban nhân dân cấp xã đào tạo				
10.7	Ý 3, Điểm a, Khoản 2, Điều 8	<b>Điều 8. Trình tự, thủ tục hồ sơ và phương thức chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch này</b>	<b>Điều 8. Trình tự, thủ tục hồ sơ và phương thức chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch này</b>	Đối với người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập a) Trình tự, thủ tục và hồ sơ: - Đối với người khuyết tật có hộ khẩu thường trú trên địa bàn huyện, đang học tại các cơ sở giáo dục đại học, trung cấp chuyên nghiệp trong phạm vi cả nước gửi về ủy ban nhân dân cấp xã	Đối với người khuyết tật có nơi thường trú trên địa bàn xã, đang học tại các cơ sở giáo dục đại học, trung cấp chuyên nghiệp trong phạm vi cả nước gửi về ủy ban nhân dân cấp xã	Thay đổi trách nhiệm từ cấp huyện về ủy ban nhân dân cấp xã
10.8	Ý 5, Điểm a, Khoản 2, Điều 8	<b>Điều 8. Trình tự, thủ tục hồ sơ và phương thức chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch này</b>	<b>Điều 8. Trình tự, thủ tục hồ sơ và phương thức chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch này</b>	Đối với người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập a) Trình tự, thủ tục và hồ sơ: - Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao có công chứng)	Đối với người khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao có công chứng)	Bổ "bản sao có công chứng" Cắt giảm thủ tục hành chính

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
10.9	Ý 6, Điểm a, Khoản 2, Điều 8	<p><b>Điều 8. Trình tự, thủ tục hồ sơ và phương thức chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch này</b></p> <p>2. Đối với người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập</p> <p>a) Trình tự, thủ tục và hồ sơ:</p> <p>-Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có công chứng)</p>	<p><b>Điều 8. Trình tự, thủ tục hồ sơ và phương thức chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch này</b></p> <p>2. Đối với người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập</p> <p>a) Trình tự, thủ tục và hồ sơ:</p> <p>-Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp</p>	
10.10	Ý 1, Điểm b, Khoản 2, Điều 8	<p><b>Điều 8. Trình tự, thủ tục hồ sơ và phương thức chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch này</b></p> <p>2. Đối với người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập</p> <p>b) Phương thức chi trả:</p> <p>-Phòng giáo dục – đào tạo chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục trực thuộc quản lý huyện</p>	<p><b>Điều 8. Trình tự, thủ tục hồ sơ và phương thức chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch này</b></p> <p>2. Đối với người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập</p> <p>b) Phương thức chi trả:</p> <p>-Phòng giáo dục – đào tạo chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục trực thuộc</p>	
10.11	Ý 3, Điểm b, Khoản 2, Điều 8	<p><b>Điều 8. Trình tự, thủ tục hồ sơ và phương thức chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch này</b></p>	<p><b>Điều 8. Trình tự, thủ tục hồ sơ và phương thức chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật</b></p>	<p>Thay đổi trách nhiệm từ phòng giáo dục – đào tạo về ủy ban nhân dân cấp xã</p>

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
10.12	Điều 2, Điều 9	<p>2. Đối với người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập</p> <p>b) Phương thức chi trả:</p> <p>- Phòng lao động-thương binh và xã hội chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện chi trả học bổng và hỗ trợ chi trả:</p> <p>phi mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học có hộ khẩu thường trú trên địa bàn huyện, đang học tại các cơ sở giáo dục đại học, trung học chuyên nghiệp ngoài công lập trong phạm vi cả nước</p>	<p>quy định tại <b>khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch này</b></p> <p>2. Đối với người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học có nơi thường trú trên địa bàn xã, đang học tại các cơ sở giáo dục đại học, trung học chuyên nghiệp ngoài công lập trong phạm vi cả nước</p>	<p><b>Điều 9. Quy định về dùng cấp học bổng và kinh phí hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập</b></p> <p>2.Cơ sở giáo dục công lập nơi có người khuyết tật bỏ học hoặc bị buộc thôi học có trách nhiệm gửi thông tin quan quản lý cấp trên trực tiếp; cơ sở giáo dục ngoài công lập nơi người khuyết tật bỏ học hoặc bị buộc thôi học có trách nhiệm gửi thông báo về ủy ban nhân dân cấp xã, phòng lao động - thương binh và xã hội, sở giáo ban nhân dân cấp xã, sở giáo dục và đào tạo chậm 15 ngày làm việc kể từ ngày người khuyết tật bỏ học và đào tạo chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày người khuyết tật bỏ học để dùng cấp học bổng và kinh phí hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập.</p>
11.13	Phụ lục – Đơn đề nghị	-Hộ khẩu thường trú	- Nơi thường trú	Dùng từ chính xác
11.14	Phụ lục – Đơn đề nghị	-Huyện (quận)	- Bỏ	Thực hiện chính quyền 2 cấp

STT soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
11.1			(5)
<b>11. Thông tư 58/2012/TTLT-BGDDT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Quy định điều kiện và thủ tục thành lập, hoạt động, định chỉ hoạt động, tổ chức lại, giải thể Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập</b>			
11.1			Thông tư 58 được thay thế bằng nghị định 46 và hiện nay là nghị định 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024. Do vậy Thông tư 58 hiện không còn hiệu lực.
<b>12. Thông tư số 04/2023/TT-BGDDT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú</b>			
12.1	<b>Điều 5 (Quy chế)</b>	<b>Điều 5. Tên trường, biển tên trường</b>	<b>1. Sửa đổi Điều 5 Quy chế như sau:</b> <b>“Điều 5. Tên trường, biển tên trường</b>
		1. Việc đặt tên trường PTDTNT được quy định như sau: Trường PTDTNT trung học cơ sở (hoặc: PTDTNT trung học phổ thông; PTDTNT trung học cơ sở và trung học phổ thông) + tên riêng (nếu có) + <b>tên đơn vị hành chính cấp huyện (hoặc cấp tỉnh).</b>	1. Việc đặt tên trường PTDTNT được quy định như sau: Trường PTDTNT trung học cơ sở/trường PTDTNT trung học phổ thông/trường PTDTNT trung học cơ sở và trung học phổ thông + tên riêng.
		2. Tên trường được ghi trên quyết định thành lập, biển tên trường, con dấu và giấy tờ giao dịch của trường. 3. Biển tên trường ghi những nội dung sau:	2. Tên trường được ghi trên quyết định thành lập, biển tên trường, con dấu và giấy tờ giao dịch của trường.
		a) Góc phía trên bên trái: - Đối với trường PTDTNT trung học cơ sở: <b>Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và tên huyện;</b> <b>Dòng thứ hai: Phòng Giáo dục và Đào tạo.</b> - Đối với trường PTDTNT có cấp học cao nhất là cấp trung học phổ thông	a) Góc phía trên bên trái: - Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và tên tỉnh; - Dòng thứ hai: Sở Giáo dục và Đào tạo; b) Ở giữa ghi tên trường theo quy định tại khoản 1 của Điều này;

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế		Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
		(1)	(2)	(3)	(4)
		Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và tên tỉnh; Dòng thứ hai: Sở Giáo dục và Đào tạo; b) Ở giữa tên trường theo quy định tại Khoản 1 của Điều này; c) Dưới cùng là địa chỉ, số điện thoại, email, website (nếu có) của nhà trường.	Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và tên tỉnh;	c) Dưới cùng là địa chỉ, số điện thoại, email, website (nếu có) của nhà trường”.	
12.2	<b>Điều 6 (Quy chế)</b>	<b>Điều 6. Phân cấp quản lý</b> 1. Trường PTDTNT trung học cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, Ủy ban nhân dân <b>cấp huyện</b> quản lý. 2. Trường PTDTNT có cấp học cao nhất là cấp trung học phổ thông do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban <b>nhân dân cấp huyện</b> xây dựng nội dung phối hợp quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục liên quan đến trường PTDTNT trung học cơ sở và trung học phổ thông.	<b>Điều 6. Phân cấp quản lý</b> 1. Trường PTDTNT do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý. 2. Trường Hữu Nghị 80, Trường Hữu Nghị T78 và Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc do bộ, ngành trung ương quản lý; chịu sự phối hợp quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo nơi trường đặt trụ sở về thực hiện chương trình, tổ chức thi tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp”.	2. Sửa đổi Điều 6 của Quy chế như sau: <b>“Điều 6. Phân cấp quản lý</b> 1. Trường PTDTNT do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý. 2. Trường Hữu Nghị 80, Trường Hữu Nghị T78 và Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc do bộ, ngành trung ương quản lý; chịu sự phối hợp quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo nơi trường đặt trụ sở về thực hiện chương trình, tổ chức thi tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp”.	Thực hiện chủ trương giao Sở GD&ĐT quản lý đối với các trường PTDTNT trung học cơ sở khi thực hiện chính quyền 2 cấp (không còn cấp huyện).

STT soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
			(5)
	<p><b>Điều 10. Điều kiện và hồ sơ dự tuyển</b></p> <p>2. Hồ sơ dự tuyển</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tuyển sinh trung học cơ sở</li> <li>- <b>Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;</b></li> <li>- <b>Căn cứ hợp pháp để xác nhận thông tin về cư trú;</b></li> <li>- Học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ;</li> <li>- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có);</li> <li>b) Tuyển sinh trung học phổ thông</li> <li>- <b>Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;</b></li> <li>- <b>Căn cứ hợp pháp để xác nhận thông tin về cư trú;</b></li> <li>- Bản sao chứng thực hoặc bản chụp/photo kèm bản chính để đối chiếu bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời;</li> <li>- Học bạ cấp trung học cơ sở; <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).</li> </ul> </li> </ul>	<p><b>Điều 10. Điều kiện và hồ sơ dự tuyển</b></p> <p>2. Hồ sơ dự tuyển</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tuyển sinh trung học cơ sở</li> <li>- <b>Bản kê khai thông tin học sinh bao gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân/số Căn cước công dân/số Căn cước của học sinh, địa chỉ thường trú;</b></li> <li>- Học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ;</li> <li>b) Tuyển sinh trung học phổ thông</li> <li>- <b>Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).</b></li> </ul>	
12.3	<p><b>Khoản 2 Điều 10 (Quy chế)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Bản kê khai thông tin học sinh bao gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân/số Căn cước công dân/số Căn cước của học sinh, địa chỉ thường trú;</b></li> <li>- <b>Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).</b></li> </ul>	<p><b>Điều 10. Điều kiện và hồ sơ dự tuyển</b></p> <p>2. Hồ sơ dự tuyển</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Bản kê khai thông tin học sinh bao gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân/số Căn cước công dân/số Căn cước của học sinh, địa chỉ thường trú;</b></li> <li>- <b>Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).</b></li> </ul>	<p>Thực hiện Kế hoạch số 516/KH-BGDET ngày 13/5/2024 và Đề án 06.</p>
12.4	<p><b>Khoản 2 Điều 11 (Quy chế)</b></p> <p><b>Điều 11. Phương thức tuyển sinh, chế độ ưu tiên</b></p> <p>2. Tuyển thẳng</p>	<p><b>Điều 11. Phương thức tuyển sinh, chế độ ưu tiên</b></p> <p>2. Tuyển thẳng</p> <p><b>4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 11 của Quy chế như sau:</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dẫn chiếu cụ thể văn bản quy định đối tượng học sinh dân tộc thiểu số</li> </ul>

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		Tuyển thẳng vào trường PTDTNT các đối tượng sau: a) <b>Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người;</b> b) Học sinh trung học cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Điều 9 của Quy chế này đạt giải cấp quốc gia, quốc tế về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, khoa học, kỹ thuật được tuyển thẳng vào học trường PTDTNT trung học phổ thông; c) Học sinh tiêu học thuộc đối tượng quy định tại Điều 9 của Quy chế này đạt giải cấp quốc hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tuyển thẳng vào học trường PTDTNT trung học cơ sở.	“2.Tuyển thẳng vào trường PTDTNT các đối tượng sau: a) Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người. b) Học sinh trung học cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Điều 9 của Quy chế này đạt giải cấp quốc toàn quốc đối với các cuộc thi, kì thi, hội thi (sau đây gọi chung là cuộc thi) về văn hóa, văn nghệ, thể thao; cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; cuộc thi quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định chọn cử”.	rất ít người nhằm đảm bảo tính hợp pháp. - Điều chỉnh để thống nhất với Thông tư số 30/2024/TT-BGDDĐT ngày 30/12/2024 ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông; - Hiện nay không còn các cuộc thi đối với học sinh cấp tiểu học do đó điều chỉnh bãi bỏ điểm c để phù hợp với tình hình thực tế.
12.5 <b>Điểm a khoản 2 Điều 12</b>		2. Tổ chức tuyển sinh a) Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tuyển sinh đối với các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh”;	“2. Tổ chức tuyển sinh a) Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tuyển sinh đối với các trường PTDTNT có cấp học cao nhất là trung học phổ thông và hướng dẫn tuyển sinh đối với các Phòng Giáo dục và Đào tạo có trường PTDTNT trung học cơ sở;	Thực hiện chủ trương giao Sở GDĐT quản lý đối với các trường PTDTNT trung học cơ sở khi thực hiện chính quyền 2 cấp. Do đó quy định Sở GDĐT hướng dẫn tuyển sinh đối với các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh.

13. Thông tư số 03/2023/TT-BGDDĐT ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú

Số thứ tự	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
13.1	<b>Điều 5. Tên trường, biển tên trường</b> 3. Biển tên trường ghi những nội dung sau: a) Góc phía trên bên trái: - Dòng thứ nhất: <b>Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã,a</b> , <b>thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban</b> (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) và tên huyện; - Dòng thứ hai: <b>Phòng Giáo dục và Đào tạo.</b> b) Ở giữa ghi tên trường theo quy định tại khoản 1 Điều này. Đối với trường PTDTBT tiểu học, trường PTDTBT tiểu học và trung học cơ sở có điểm trường, tên điểm trường ghi dưới tên trường. c) Dưới cùng ghi địa chỉ, số điện thoại, email, website(nếu có) của nhà trường.	<b>1. Sửa đổi khoản 3 Điều 5 Quy chế như sau:</b> “3. Biển tên trường ghi những nội dung sau: a) Góc phía trên bên trái: Ủy ban nhân dân xã/phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) + tên đơn vị hành chính. b) Ở giữa ghi tên trường theo quy định tại khoản 1 Điều này. Đối với trường PTDTBT tiểu học, trường PTDTBT tiểu học và trung học cơ sở có điểm trường, tên điểm trường ghi dưới tên trường. c) Dưới cùng ghi địa chỉ, số điện thoại, email, website(nếu có) của nhà trường”.		
13.2	<b>Điều 7. Phân cấp quản lý trường phổ thông dân tộc bản trú</b> 1. Trưởng PTDTBT tiểu học, trưởng PTDTBT trung học cơ sở và trưởng PTDTBT tiểu học và trung học cơ sở do Trưởng PTDTBT tiểu học, trưởng PTDTBT trung học cơ sở và trưởng PTDTBT tiểu học và trung học thành lập và Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định. 2. Phòng Giáo dục và Đào tạo giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục đối với trường PTDTBT tiểu học, trường PTDTBT trung học cơ sở và trường PTDTBT tiểu học và trung học cơ sở.	<b>“Điều 7. Phân cấp quản lý trường phổ thông dân tộc bản trú</b> Trưởng PTDTBT tiểu học, trưởng PTDTBT trung học cơ sở và trưởng PTDTBT tiểu học và trung học thành lập, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.	Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (tỉnh, xã). Do đó, trường PTDTBT tiểu học, trường PTDTBT trung học cơ sở và trưởng PTDTBT tiểu học và trung học cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý”	Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (tỉnh, xã). Do đó, tên trường, biển tên trường không còn tên cấp huyện, Phòng GDBT.
	14. Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên			

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
14.1	<b>Điều 3. Quy trình đưa tiếng dân tộc thiểu số vào dạy</b>	<b>Điều 1. Sửa đổi khoản 1 Điều 3 như sau:</b>	<p>“1. Trường tiểu học, trường trung học cơ sở tổng hợp nhu cầu học tiếng dân tộc thiểu số, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã; trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tổng hợp nhu cầu học tiếng dân tộc thiểu số, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo. Sở Giáo dục và các cơ sở giáo dục trực thuộc trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; căn cứ vào các điều kiện tổ chức dạy học cụ thể của địa phương xây dựng kế hoạch và tham mưu UBND cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc dạy học tiếng dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục.</p>	<p>Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (tỉnh, xã). Do đó, trường tiểu học, trường trung học cơ sở tổng hợp nhu cầu học tiếng dân tộc thiểu số, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Giáo dục và các cơ sở giáo dục trực thuộc trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; căn cứ vào các điều kiện tổ chức dạy học cụ thể của địa phương xây dựng kế hoạch và tham mưu UBND cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc dạy học tiếng dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục.”</p>
15.1	Khoản 3 Điều 20	<b>Thông tư số 23/2023/TT-BGDDĐT ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một</b>	<p>3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện việc tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn; bố trí nhân sự, đảm bảo cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để chuẩn bị các điều kiện triển khai thực hiện tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một theo thẩm quyền quy định.</p>	<p>“3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện việc tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn; bố trí nhân sự, đảm bảo cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để chuẩn bị các điều kiện triển khai thực hiện tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một theo thẩm quyền quy định.”</p>

Số thứ tự STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
15.2	Khoản 2 Điều 21	2. Hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện; tập huấn và bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung, phương pháp dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.	“2. Hướng dẫn trường tiểu học có học sinh là người dân tộc thiểu số xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện; tập huấn và bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung, phương pháp dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.”	Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện
15.3	Tên Điều 22	<b>Điều 22. Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo</b>  “Điều 22: Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã”		Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện
15.4	Khoản 1 Điều 22	1. Tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn theo thẩm quyền quy định.	“1. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn theo thẩm quyền quy định.”	Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện
15.5	khoản 2, khoản 3, Điều 22	2. Hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo; tổ chức tập huấn và bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung, phương pháp dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.	Bãi bỏ	Bãi bỏ khoản 2, khoản 3 điều này vì đã có trong trách nhiệm của Sở Giáo dục đào tạo và của trường tiểu học.

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế		Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
		(1)	(2)		
15.6	Khoản 4 Điều 22	<p>3. Chỉ đạo, hướng dẫn các trường tiêu học xây dựng kế hoạch tổ chức dạy họ tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một; tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một, thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn.</p> <p>4. Theo dõi, kiểm tra, phát hiện những khó khăn mắc và có biện pháp hỗ trợ hiệu quả, phù hợp kiện của địa phương trong quá trình thực hiện; kịp thời với điều kiện của địa phương trong quá trình thực hiện thường, biểu dương tập thể, cá nhân phát huy những kết quả đạt được trong việc tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước được trong việc tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là khi vào lớp Một trên địa bàn; bao cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo sau khi kết thúc thời gian dạy học.”</p>	<p>3. Chỉ đạo, hướng dẫn các trường tiêu học xây dựng kế hoạch tổ chức dạy họ tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một; tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một, thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn.</p> <p>4. Theo dõi, kiểm tra, phát hiện những khó khăn mắc và có biện pháp hỗ trợ hiệu quả, phù hợp kiện của địa phương trong quá trình thực hiện thường, biểu dương tập thể, cá nhân phát huy những kết quả đạt được trong việc tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước được trong việc tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là khi vào lớp Một trên địa bàn; bao cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo sau khi kết thúc thời gian dạy học.”</p>	<p>Vì bài bỏ điều 2,3 nên sửa số thứ tự khoản 4 thành khoản 2.</p>	Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện
15.7	Khoản 3 Điều 23	3. Giải trình, giải quyết thắc mắc, kiến nghị, nhận xét và đánh giá kết quả dạy học trong phạm vi quyên hạn của hiệu trưởng các trường tiêu học; báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Giáo dục và Đào tạo trước khi năm học mới bắt đầu.	“3. Giải trình, giải quyết thắc mắc, kiến nghị, nhận xét và đánh giá kết quả dạy học trong phạm vi quyên hạn của hiệu trưởng các trường tiêu học; báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo trước khi năm học mới bắt đầu.”		
15.8	Điều 26	<b>Điều 26. Trách nhiệm thi hành</b>	“Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, hiệu Trưởng phòng, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, hiệu trưởng các trường tiểu học và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”	“Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, hiệu Trưởng phòng, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, hiệu trưởng các trường tiểu học và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”	Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện

STT soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
			(5) quan chuyên môn cấp huyện
<b>16. Thông tư số 27/23/TT-BGDDT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông</b>			
16.1 Tiêu đề khoản 5 Điều 7	<p><b>Điều 7. Quy trình lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục</b></p> <p>5. Cơ sở giáo dục lập hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa gửi về Ủy ban nhân dân xã (đối với cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở), Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông). Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Quyết định thành lập Hội đồng của cơ sở giáo dục;</li> <li>b) Biên bản họp Hội đồng theo quy định tại khoản 3 Điều này;</li> <li>c) Danh mục sách giáo khoa được lựa chọn của cơ sở giáo dục.</li> </ul>	<p><b>Điều 7. Quy trình lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục</b></p> <p>5. Cơ sở giáo dục lập hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa gửi về Ủy ban nhân dân xã (đối với cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở), Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông). Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Quyết định thành lập Hội đồng của cơ sở giáo dục;</li> <li>b) Biên bản họp Hội đồng theo quy định tại khoản 3 Điều này;</li> <li>c) Danh mục sách giáo khoa được lựa chọn của cơ sở giáo dục.</li> </ul>	
16.2 Khoản 2, khoản 3 Điều 8	<p><b>Điều 8. Thẩm định hồ sơ, phê duyệt kết quả lựa chọn sách giáo khoa</b></p> <p>1. Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này; quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định và nộp; báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định danh mục sách giáo khoa được các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý lựa chọn.</p> <p>2. Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này; rà soát báo cáo của các Phòng Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý lựa chọn.</p>	<p><b>Điều 8. Thẩm định hồ sơ, phê duyệt kết quả lựa chọn sách giáo khoa</b></p> <p>1. Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này; quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định và nộp; báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định danh mục sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý lựa chọn.</p> <p>2. Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này; rà soát báo cáo của các Phòng Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý lựa chọn.</p>	
			Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế		Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
		(1)	(2)	(3)	(4)
16.3	Khoản 1 Điều 11	<p>thêm định và danh mục sách giáo khoa của các cơ sở lựa chọn theo quy định tại khoản 1 Điều này; tổng hợp kết quả, lập danh mục sách giáo khoa của các công ty hợp tác, lập danh mục sách giáo khoa của các cơ sở lựa chọn (kèm theo hồ sơ lựa chọn (kèm theo hồ sơ lựa chọn) của các cơ sở giáo dục theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 Thông tư này), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt."</p> <p>3. Căn cứ vào kết quả lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục do Sở Giáo dục và Đào tạo trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt danh mục sách giáo khoa do các cơ sở giáo dục lựa chọn.</p>			
16.4	Khoản 4 Điều 13	<p><b>Điều 11. Điều chỉnh, bổ sung danh mục lựa chọn giáo khoa</b></p> <p>1. Trong quá trình sử dụng, căn cứ các kiến nghị của giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh (nếu có), cơ sở giáo dục, đề xuất Phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông), Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học cơ sở), Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông) về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa.</p> <p>2. Việc điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa đã được phê duyệt thực hiện theo quy trình lựa chọn sách giáo khoa quy định tại Thông tư này.</p>	<p><b>Điều 11. Điều chỉnh, bổ sung danh mục lựa chọn giáo khoa</b></p> <p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p>	<p><b>Điều 11. Điều chỉnh, bổ sung danh mục lựa chọn giáo khoa</b></p> <p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p>	
16.4	Khoản 4 Điều 13	<p><b>Điều 13. Sở Giáo dục và Đào tạo</b></p> <p>1. Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lựa chọn sách giáo khoa, bao gồm các nhiệm vụ sau:</p> <p>a) Căn cứ vào quy định tại Điều 3 của Thông tư này, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể</p>			

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		<p>a) Căn cứ vào quy định tại Điều 3 của Thông tư này, tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa;</p> <p>tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa;</p> <p>b) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra các cơ sở giáo dục sử dụng sách giáo khoa theo quy định;</p> <p>c) Lập, tổng hợp dự toán kinh phí, đề xuất cơ sở vật chất thuộc thẩm quyền quản lý lựa chọn sách giáo khoa và thuộc thẩm quyền quản lý lựa chọn sách giáo khoa theo quy định;</p> <p>trình cấp co thẩm quyền phê duyệt để bố trí cho hoạt động tổ chức lựa chọn sách giáo khoa;</p> <p>d) Thẩm định hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này; rà soát báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả lựa chọn và danh mục</p> <p>Phòng Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định và danh mục sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục lựa chọn; các cơ sở giáo dục, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp kết quả lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở xem xét, phê duyệt.</p> <p>2. Thông báo đến các cơ sở giáo dục danh mục sách giáo khoa được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn</p> <p>khoa được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn phê duyệt.</p> <p>3. Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về danh mục sách</p> <p>khoa được lựa chọn; cung cấp thông tin bằng văn bản cho các tổ chức, nhà xuất bản có sách giáo khoa được lựa chọn về danh mục, số lượng sách giáo khoa</p> <p>về danh mục, số lượng sách giáo khoa mỗi tổ chức, nhà xuất bản cần cung ứng cho các cơ sở giáo dục tại địa phương cùng thời điểm công bố danh mục sách giáo khoa được phê duyệt theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.</p>	<p>chất trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để bố trí cho hoạt động tổ chức lựa chọn sách giáo khoa;</p> <p>d) Rà soát hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này, rà soát báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả lựa chọn và danh mục</p> <p>Phòng Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định và danh mục sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục lựa chọn; các cơ sở giáo dục, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp kết quả lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở xem xét, phê duyệt.</p> <p>2. Thông báo đến các cơ sở giáo dục danh mục sách</p> <p>giáo khoa được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn</p> <p>giáo khoa được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn phê duyệt.</p> <p>3. Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về danh mục sách</p> <p>giáo khoa được lựa chọn; cung cấp thông tin bằng văn</p> <p>bản cho các tổ chức, nhà xuất bản có sách giáo khoa</p> <p>các tổ chức, nhà xuất bản có sách giáo khoa được lựa chọn về danh mục, số lượng sách giáo khoa</p> <p>về danh mục, số lượng sách giáo khoa mỗi tổ chức, nhà</p> <p>xuất bản cần cung ứng cho các cơ sở giáo dục tại địa</p> <p>phương cùng thời điểm công bố danh mục sách giáo</p> <p>khoa được phê duyệt theo quy định tại Điều 10 Thông</p> <p>tư này.</p>	quan chuyên môn cấp huyện
		Báo cáo	Báo cáo	(5)

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản		Thuyết minh
			(1)	(2)	
			(3)	(4)	(5)
16.5	Khoản 1, Khoản 3, khoản 4 Điều 15	4. Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc tổ chức lựa chọn và sử dụng sách giáo khoa theo quy định của pháp luật.			
		<b>Điều 15. Phòng Giáo dục và Đào tạo</b>			
		1. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức lựa chọn sách giáo khoa. Thẩm định 1. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này; tổng hợp, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo danh mục lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này; tổng hợp, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo danh mục lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.	<b>Điều 15. Ủy ban nhân dân cấp xã</b>	Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện	
		2. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý thông báo danh mục sách giáo khoa đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đến giáo viên, học sinh, mẹ học sinh; hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa theo quy định.			
		3. Đề xuất dự toán với Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị trấn, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để bố trí nguồn kinh phí, cơ sở vật chất để các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức lựa chọn sách giáo khoa.			
		4. Thực hiện kiểm tra việc tổ chức lựa chọn và sử dụng sách giáo khoa theo quy định của pháp luật.			
16.6	Khoản 4, Khoản 5 Điều 16	<b>Điều 16. Cơ sở giáo dục</b>			Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương
		1. Tổ chức lựa chọn sách giáo khoa theo quy định tại Thông tư này.			

STT soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
16.7 Điều 18	<p><b>Điều 18. Trách nhiệm thi hành</b></p> <p>Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Vụ trưởng Vụ Giao dục Thường xuyên và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, người đứng đầu các cơ sở</p>	<p><b>Điều 18. Trách nhiệm thi hành</b></p> <p>Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Vụ trưởng Vụ Giao dục Thường xuyên và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, người đứng đầu các cơ sở giáo dục, các tổ</p>	<p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p>	

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
17.1	Điều 3	giáo dục, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.	chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.	
17.2	Điều a khoản 3 Điều 5	Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.	Điều 5. Tên trường, biến tên trường	<p>1. Việc đặt tên trường được quy định như sau:</p> <p>a) Tên trường: Trường trung học cơ sở (hoặc: trung học phổ thông; tiểu học và trung học cơ sở; trung học cơ sở và trung học phổ thông; tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông; trung học phổ thông chuyên) + tên riêng của trường.</p> <p>b) Việc đặt tên riêng của trường phải bảo đảm rõ ràng, minh bạch, không gây hiểu sai về tổ chức và hoạt động của nhà trường; phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.</p> <p>3. Biến tên trường ghi những nội dung sau:</p>

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
17.3	Khoản 2 Điều 6	<p><b>Điều 6. Phân cấp quản lý</b></p> <p>1. Trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do Chủ</p>	<p>2. Tên trường được ghi trên quyết định thành lập trường, con dấu của trường, biển tên trường và giấy tờ giao dịch.</p> <p>3. Biển tên trường ghi những nội dung sau:</p> <p>a) Góc phía trên, bên trái:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường trung học có cấp học cao nhất là cấp trung học cơ sở:</li> <li>Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và tên huyện;</li> <li>Dòng thứ hai: Phòng Giáo dục và Đào tạo.</li> <li>- Đối với trường trung học có cấp trung học phổ thông:</li> <li>Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và tên tỉnh;</li> <li>Dòng thứ hai: Sở Giáo dục và Đào tạo.</li> <li>b) Ở giữa ghi tên trường theo quy định tại khoản 1 Điều này.</li> <li>c) Dưới cùng là địa chỉ, số điện thoại, email, website (nếu có) của nhà trường.</li> </ul> <p>4. Tên trường và biển tên trường của trường chuyên biệt có quy chế tổ chức và hoạt động riêng thì thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của loại trường chuyên biệt đó.</p>	<p>a) Góc phía trên, bên trái:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường trung học có cấp học cao nhất là cấp trung học cơ sở: Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp cơ sở).</li> </ul>
			<p>Các Kết luận của TW và NQTW-NQ; Phù hợp với chính quyền 2 cấp;</p>	

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế			Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
		(1)	(2)	(3)		
		tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.	2. Trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học cao nhất là trung học phổ thông do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo qua quyết định thành lập, Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng nội dung phối hợp quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục có liên quan của trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông.	2. Trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông có nhiều cấp học có liên quan của trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông.	Các Kết luận của TW và NQTW-NQ; Phù hợp với chính quyền 2 cấp;	
17.4		3. Trường chuyên biệt có quy chế tổ chức và hoạt động riêng thì thực hiện phân cấp quản lý theo quy chế tổ chức và hoạt động của loại trường chuyên biệt đó.			<b>Điều 10. Hội đồng trường</b> 1. Hội đồng trường của trường trung học công lập: a) Hội đồng trường của trường trung học công lập là tổ chức quản trị nhà trường, thực hiện quyền đại diện sở hữu của nhà trường và các bên có lợi ích liên quan, chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục. b) Thành phần của hội đồng trường trung học công lập gồm: bí thư cấp ủy; hiệu trưởng; chủ tịch Công đoàn; bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; đại diện tổ chuyên môn, tổ văn phòng; đại diện chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh và đại diện học sinh.	

Số thứ tự	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		<p>Hội đồng trường có chủ tịch, thư ký và các thành viên, số lượng thành viên của hội đồng trường là số lẻ, ít nhất là 07 người, nhiều nhất là 15 người. Nhiệm kỳ của hội đồng trường là 05 năm.</p> <p>c) Nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng trường trung học công lập: Quyết định về chiến lược, tầm nhìn, kế hoạch, mục tiêu phát triển nhà trường, các dự án trong từng giai đoạn và từng năm học; quyết định về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; phê duyệt kế hoạch giáo dục của nhà trường; giám sát hoạt động tuyển sinh và việc tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch giáo dục của nhà trường; giám sát việc thực hiện các quyết định của hội đồng trường và việc trưởng, giám sát việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực của nhà trường theo quy định của pháp luật.</p> <p>d) Hoạt động của hội đồng trường trung học công lập:</p> <p>Hội đồng trường họp thường kỳ ít nhất 03 lần trong một năm. Trong trường hợp cần thiết, khi hiệu trưởng hoặc ít nhất một phần ba số thành viên hội đồng trường đề nghị, chủ tịch hội đồng trường có quyền triệu tập phiên họp bất thường để giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền của nhà trường. Hội đồng trường có thể họp bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Hội đồng trường được mời đại diện các thành phần khác tham dự cuộc họp của hội đồng trường khi cần thiết. Phiên họp hội đồng trường được công nhận</p>		

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Điểm đ, khoản 1 Điều 10	<p>là hợp lệ khi có mặt từ ba phần tư số thành viên của hội đồng trở lên (trong đó có chủ tịch hội đồng trường).</p> <p>Quyết định của hội đồng trường được thông qua và có hiệu lực khi được ít nhất hai phần ba số thành viên có mặt nhất trí. Quyết định của hội đồng trường được công bố công khai.</p> <p>đ) Thủ tục thành lập Hội đồng trường trung học công lập:</p> <p>Căn cứ vào quy định về thành phần của hội đồng trường tại điểm b khoản 1 Điều này, hiệu trưởng đề nghị chính quyền cấp cơ sở cử đại diện tham gia hội tại điểm b khoản 1 Điều này, hiệu trưởng đề nghị chính quyền cấp cơ sở, tập thể giáo viên và các tổ quyên địa phuong cử đại diện tham gia hội đồng trường; chức, đoàn thể nhà trường giới thiệu; làm tờ trình đề tông hợp danh sách hội đồng trường do chính quyền địa phương, tập thể giáo viên và các tổ chức, đoàn thể nhà trường học cơ sở đối với cấp phuong, tập thể giới thiệu; làm tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở đối với cấp học trung học phổ thông có nhiều cấp học cơ sở.</p> <p>nhân dân cấp huyện (đối với cấp trung học cơ sở và là trung học cơ sở), Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với trường phô thông có nhiều cấp học cao nhất là trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học cơ sở và là trung học cơ sở), Hiệu trưởng tổ chức phiên họp đầu tiên của hội đồng trường để bầu chủ tịch hội đồng trường bằng phiếu kín; làm tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với cấp trung học cơ sở và là trung học phổ thông có nhiều cấp học cao nhất là trung học cơ sở), Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học cơ sở và là trung học phổ thông, trường phổ thông</p>	<p>đ) Thủ tục thành lập Hội đồng trường trung học công lập:</p> <p>Căn cứ vào quy định về thành phần của hội đồng trường tại điểm b khoản 1 Điều này, hiệu trưởng đề nghị chính quyền cấp cơ sở cử đại diện tham gia hội tại điểm b khoản 1 Điều này, hiệu trưởng đề nghị chính quyền cấp cơ sở, tập thể giáo viên và các tổ quyên địa phuong cử đại diện tham gia hội đồng trường; chức, đoàn thể nhà trường giới thiệu; làm tờ trình đề tông hợp danh sách hội đồng trường do chính quyền địa phương, tập thể giáo viên và các tổ chức, đoàn thể nhà trường học cơ sở và là trung học phổ thông có nhiều cấp học cơ sở.</p> <p>nhân dân cấp huyện (đối với cấp trung học cơ sở và là trung học cơ sở), Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với trường phô thông có nhiều cấp học cao nhất là trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học cơ sở và là trung học cơ sở), Hiệu trưởng tổ chức phiên họp đầu tiên của hội đồng trường để bầu chủ tịch hội đồng trường bằng phiếu kín; làm tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với cấp trung học cơ sở và là trung học phổ thông có nhiều cấp học cao nhất là trung học cơ sở), Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học cơ sở và là trung học phổ thông, trường phổ thông</p>		

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Điểm e khoản 1 Điều 10	<p>dân tộc nội trú cấp tỉnh, trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện có cấp trung học phổ thông) ra quyết định công nhận chủ tịch hội đồng trường. Thủ ký hội đồng trường do chủ tịch hội đồng trường chỉ định.</p> <p>e) Hàng năm, nếu có sự thay đổi về nhân sự, hiệu trưởng làm tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với cấp trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở), Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh, trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện có cấp trung học phổ thông) ra quyết định bổ sung, kiện toàn hội đồng trường.</p> <p>2. Hội đồng trường của trường trung học tư thục:</p> <p>a) Hội đồng trường của trường trung học tư thục là tổ chức quản trị nhà trường, thực hiện quyền đại diện cho nhà đầu tư và các bên có lợi ích liên quan, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định của nhà đầu tư.</p> <p>b) Thành phần của hội đồng trường gồm đại diện nhà đầu tư, thành viên trong và ngoài trường do hội nghị nhà đầu tư bầu, quyết định theo tỷ lệ vốn góp.</p> <p>Thành phần của hội đồng trường của trường tư thục hoạt động không vì lợi nhuận gồm đại diện nhà đầu tư do các nhà đầu tư bầu, quyết định theo tỷ lệ vốn góp; thành viên trong và ngoài trường. Thành viên trong trường gồm các thành viên đương nhiên là bí thư cấp ủy, hiệu trưởng, chủ tịch Công đoàn, bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; thành viên bầu là đại diện giáo viên, nhân viên</p>	<p>e) Hàng năm, nếu có sự thay đổi về nhân sự, hiệu trưởng làm tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (đối với cấp trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở), Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với trường trung học phổ thông dân tộc nội trú có cấp trung học phổ thông) ra quyết định bổ sung, kiện toàn hội đồng trường.</p>		

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản		Thuyết minh
			(1)	(2)	
		<p>do hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu của trường báu. Thành viên ngoài trường gồm đại diện lãnh đạo, nhà quản lý, nhà giáo dục, doanh nhân, cựu học sinh do hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu của trường báu.</p> <p>c) Nhiệm vụ, quyền hạn, thủ tục thành lập và hoạt động của hội đồng trường đối với trường trung học tư thực được thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học tư thực do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.</p>	(3)	(4)	(5)
17.5	Điều c khoản 11	<p><b>Điều 11. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng</b></p> <p>1. Hiệu trưởng</p> <p>a) Hiệu trưởng trường trung học là người chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động và chất lượng giáo dục của nhà trường.</p> <p>b) Người được bổ nhiệm làm hiệu trưởng trường trung học đối với trường trung học công lập hoặc công nhận làm hiệu trưởng trường trung học đối với trường trung học tư thực phải đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều này và theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Nhiệm kỳ của hiệu trưởng trường trung học là 05 năm. Sau mỗi năm học, hiệu trưởng được viên chức, nhân viên trong trường góp ý và cấp có thẩm quyền đánh giá theo quy định. Hiệu trưởng công tác tại một trong trường góp ý và cấp có thẩm quyền đánh giá theo trường trung học công lập có thể được bổ nhiệm lại quy định. Hiệu trưởng công tác tại một trường trung học với số lần không hạn chế để giữ một chức vụ quản lý, trừ trường hợp có quy định khác của Đảng và pháp luật chuyên ngành.</p> <p>d) Nhiệm vụ và quyền của hiệu trưởng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; tổ</li> </ul>			

STT soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	<p>chức thành lập hội đồng trường theo quy định tại điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 10 Điều lệ này;</p> <p>- Tổ chức xây dựng chiến lược, tầm nhìn, mục tiêu, quy hoạch phát triển nhà trường; quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; kế hoạch giáo dục hàng năm của nhà trường để trình hội đồng trường phê duyệt và tổ chức thực hiện;</p> <p>- Thực hiện các quyết định hoặc kết luận của hội đồng trường về những nội dung được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Điều lệ này. Trường hợp hiệu trưởng không nhất trí với quyết định của hội đồng trường cần xin ý kiến cơ quan quản lý giáo dục cấp trên trực tiếp của nhà trường. Trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên trực tiếp, hiệu trưởng vẫn phải thực hiện theo quyết định của hội đồng trường đối với các vấn đề không trái với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này;</p> <p>- Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và các quyết định của hội đồng trường trước hội đồng tuyển sinh và các cấp có thẩm quyền;</p> <p>- Thực hiện tuyển dụng, quản lý giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động, tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật;</p> <p>- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, ký xác nhận hoàn thành</p>		

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		<p>chương trình tiêu học cho học sinh tiểu học (nếu có) của trường phổ thông có nhiều cấp học, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông cho học sinh trung học phổ thông (nếu có) và quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý tài chính và tài sản của nhà trường;</li> <li>- Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; thực hiện quy chế dân chủ, trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ sở giáo dục trong tổ chức hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường;</li> <li>- Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động; thực hiện công khai đối với nhà trường và xã hội theo quy định của pháp luật;</li> <li>- Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý; được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định; tham gia dạy học theo quy định về định mức giờ dạy đối với hiệu trưởng;</li> <li>- Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.</li> </ul> <p>2. Phó hiệu trưởng</p> <p>a) Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành công việc do hiệu trưởng phân công; điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền.</p>		

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		<p>b) Người được bổ nhiệm hoặc công nhận làm phó hiệu trưởng trường trung học phải đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều này và theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Nhiệm kỳ của phó hiệu trưởng trường trung học là 05 năm. Sau mỗi năm học phó hiệu trưởng được viên chức, người lao động trong trường góp ý và cấp có thẩm quyền đánh giá theo quy định.</p> <p>d) Nhiệm vụ và quyền của phó hiệu trưởng</p> <p>- Điều hành công việc được hiệu trưởng phân công phụ trách hoặc ủy quyền;</p> <p>- Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý; được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định; tham gia dạy học theo quy định về định mức giờ dạy đối với phó hiệu trưởng;</p> <p>- Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng cao, mòn, nghèo vụ và hướng các chế độ, chính sách theo điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p> <p>a) Về trình độ đào tạo và thời gian công tác: phải đạt trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục và đã dạy học ít nhất 05 năm (hoặc 04 năm đối với miền núi, hải đảo, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).</p> <p>3. Tiêu chuẩn của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trung học</p> <p>a) Về trình độ đào tạo và thời gian công tác: phải đạt trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục đối với cấp học, đạt trình độ chuẩn được đào tạo ở cấp học cao nhất đối với trường phổ thông có nhiều cấp học và đã dạy học ít nhất 05 năm (hoặc 04 năm đối với miền núi, hải đảo, vùng cao, vùng</p>		

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế		Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
		(1)	(2)	(3)	(4)
		sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn) ở cấp học đó.	b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường trung học phải chịu trách nhiệm đối với trường trung học có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường cơ sở và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học theo quy định chuẩn hiệu có nhiều cấp học cao nhất là trung học phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	a) Đối với trường trung học công lập: Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đối với trường trung học cơ sở, trường trung học có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường cơ sở và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông.	
Điểm a khoản 3 Điều 11				4. Thẩm quyền bổ nhiệm hoặc công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường trung học	
Điểm a khoản 4 Điều 11				a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bổ nhiệm hoặc công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đối với trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định bổ nhiệm hoặc công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đối với trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông.	
				b) Quy trình bổ nhiệm, công nhận, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được thực hiện theo quy định của pháp luật.	
				c) Người có thẩm quyền bổ nhiệm thì có quyền bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường trung học.	
17.6				Điều 20. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở và giáo dục hòa nhập	

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Khoản 3 Điều 20		<p>1. Nhà trường tham gia ban chỉ đạo, xây dựng, thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trung học cơ sở và bảo đảm phổ cập giáo dục trung học cơ sở tại địa phương.</p> <p>2. Nhà trường phối hợp các ban, ngành đoàn thể huy động học sinh thuộc đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở đi học. Tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục bao đảm chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ học cơ sở đi học. Tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục bao đảm chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ</p> <p>3. Nhà trường tham gia điều tra, cập nhật số liệu và quản lý hồ sơ phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo địa bàn3. Nhà trường tham gia điều tra, cập nhật số liệu và được phân công; phối hợp kiểm tra, đánh giá kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở của cấp xã; tham mưu chính địa bàn được phân công; phối hợp kiểm tra, đánh giá quyên cáp xã đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở của cấp cơ tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo quy định.</p> <p>4. Nhà trường thực hiện giáo dục hòa nhập cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, học sinh khuyết tật trong trường trung học cơ sở theo quy định của Luật Người khuyết tật, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Người khuyết tật, các quy định của Điều lệ này và quy định về giáo dục hòa nhập dành cho người khuyết tật do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.</p>		
Điều 22. Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh	1. Học sinh được kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo quy chế đánh giá và xếp loại học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.			<p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ</p> 

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế			Thuyết minh
		(1)	(2)	(3)	
		<p>2. Việc kiểm tra, đánh giá học sinh được thực hiện theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; bảo đảm tính toàn diện, công bằng, trung thực, khách quan, vì sự tiến bộ của học sinh, coi trọng việc động viên khuyến khích học sinh tiến bộ; chú trọng đánh giá quá trình học tập của học sinh; đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật và công cụ khác nhau; không so sánh học sinh này với học sinh khác và không gây áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.</p> <p>3. Học sinh học tiêu học ở trường phổ thông có nhiều cấp học học hết chương trình tiêu học, đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được hiệu trưởng xác nhận vào học bạ việc hoàn thành chương trình tiêu học.</p> <p>4. Học sinh học hết chương trình trung học cơ sở, đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được hiệu trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.</p> <p>5. Học sinh học hết chương trình trung học phổ thông, đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự thi tốt nghiệp và nếu đạt yêu cầu thi được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông. Học sinh học hết chương trình trung học phổ thông, đủ điều kiện dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng không dự thi tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp không đạt yêu cầu thi được hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông.</p>	<p>(4)</p> <p>(5)</p>	<p>quan chuyên môn cấp huyện</p>	

STT soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4) (5)
18.1	<p>6. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá kết quả học tập, giáo dục học sinh được thực hiện theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục, bảo đảm yêu cầu đánh giá vì sự phát triển học sinh, thúc đẩy các phương pháp và hình thức dạy học, giáo dục phát triển phàm chất, năng lực học sinh.</p>	<p>Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;</p> <p>Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học; Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.</p> <p><b>Điều 10. Đánh giá học sinh được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh</b></p> <p>1. Học sinh gặp khó khăn trong học tập do mắc bệnh mãn tính, bị khuyết tật, bị tai nạn hoặc bị bệnh phải điều trị được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh.</p> <p>2. Hồ sơ xin miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm có:</p>	<p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p>
18.2			
Khoản 2 Điều 10			

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế		Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
		(1)	(2)	(3)	(4)
		miễn học của học sinh và bệnh án hoặc giấy chứng nhận bệnh án hoặc án hoặc giấy thương tật do bệnh viện từ cấp huyện trở lên cấp.	Đơn xin miễn học của học sinh và bệnh án hoặc án hoặc chứng nhận thương tật do bệnh viện khu vực hoặc bệnh viện đa khoa cấp.		
18.3	Khoản Điều 17	3. Việc cho phép miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh đối với các trường hợp do bị ốm đau hoặc tai nạn chỉ áp dụng trong năm học; các trường hợp bị bệnh mãn tính, khuyết tật hoặc thương tật lâu dài được áp dụng cho cả năm học hoặc cả cấp học. Hiệu trưởng nhà trường cho phép học sinh được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh theo từng học kì hoặc từng năm học. 4. Đối với học sinh được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định tại Điều này được kiểm tra, đánh giá thay thế bằng nội dung lý thuyết để có đủ số lần kiểm tra, đánh giá theo quy định.	Điều 17. Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo	1. Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện đánh giá học sinh trung học cơ sở trên địa bàn. 2. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục sử dụng Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học), Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), Học bạ học sinh. Trường hợp sử dụng dang hồ sơ điện tử, Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tổ chức thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo. 3. Chịu trách nhiệm kiểm tra, giải quyết vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư này trên địa bàn. 4. Báo cáo kết quả tổ chức thực hiện đánh giá học sinh về Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định	Các Kết luận của TW và NQTW-NQ; Phù hợp với chính quyền 2 cấp; bộ phận chuyên môn về giáo dục của Ủy ban nhân dân xã hướng dẫn tổ chức thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản		Thuyết minh
			(1)	(2)	
			(3)	(4)	(5)
19.1	Điểm f, khoản 1 Điều 5:	<p>f) Giấy giới thiệu chuyển trường do Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học cơ sở); Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông) nơi đi cấp (trường hợp xin chuyển đến từ tỉnh, thành phố khác).</p> <p>a) Đối với học sinh trung học cơ sở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển trường trong cùng tỉnh, thành phố: Hiệu trưởng nhà trường nơi đến tiếp nhận hồ sơ và xem xét, giải quyết theo quy định của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.</li> <li>- Chuyển trường đến từ tỉnh, thành phố khác: Phòng</li> </ul> <p>Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>b) Đối với học sinh trung học phổ thông:</li> <li>- Chuyển trường trong cùng tỉnh, thành phố: Hiệu trưởng nhà trường nơi đến tiếp nhận hồ sơ và xem xét, giải quyết theo quy định của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.</li> <li>- Chuyển trường đến từ tỉnh, thành phố khác: Sở Giáo dục và Đào tạo nơi đến tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và giới thiệu về trường.</li> </ul>	<p>f) Giấy giới thiệu chuyển trường do hiệu trưởng nơi đi cấp.</p>		Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện
19.2	Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5	<p>Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>b) Đối với học sinh trung học phổ thông:</li> <li>- Chuyển trường trong cùng tỉnh, thành phố: Hiệu trưởng nhà trường nơi đến tiếp nhận hồ sơ và xem xét, giải quyết theo quy định của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.</li> <li>- Chuyển trường đến từ tỉnh, thành phố khác: Sở Giáo dục và Đào tạo nơi đến tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và giới thiệu về trường.</li> </ul>			Hiệu trưởng nhà trường nơi đến tiếp nhận hồ sơ và giải quyết theo quy định của Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo.
19.3	Khoản 3 Điều 5	<p>Việc chuyển trường được thực hiện khi kết thúc học kỳ I của năm học hoặc trong thời gian hè trước khi khai giảng năm học mới. Trường hợp ngoại lệ về thời gian do Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với</p>	<p>3. Việc chuyển trường được thực hiện khi kết thúc học kỳ I của năm học hoặc trong thời gian hè trước khai giảng năm học mới. Trường hợp ngoại lệ về thời</p>		

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
19.4	Khoản 1 Điều 11: Điểm c khoản 2 Điều 21	cấp trung học cơ sở), Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông) nơi đến xem xét, quyết định	cấp trung học cơ sở), Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông) nơi đến xem xét, gian, hiệu trưởng nhà trường xem xét quyết định theo hướng dẫn của sở Giáo dục và Đào tạo.	
19.5	Điều 4 Điều 6	1. Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông), Phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học cơ sở) tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và giới thiệu về trường.  c) Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Giáo dục và Đào tạo (cấp trung học phổ thông), Phòng Giáo dục và Đào tạo (cấp trung học cơ sở) trong việc chuyen trường cho học sinh, tiếp nhận học sinh Việt Nam ở nước ngoài về nước, học sinh người nước ngoài học tại Việt Nam.	1. Hiệu trưởng nhà trường trực tiếp kiểm tra hồ sơ và xem xét, quyết định tiếp nhận theo hướng dẫn của sở Giáo dục và Đào tạo.  c) Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Giáo dục và Đào tạo (cấp trung học phổ thông), UBND cấp xã (cấp trung học cơ sở) trong việc chuyen trường cho học sinh, tiếp nhận học sinh Việt Nam ở nước ngoài về nước, học sinh người nước ngoài học tại Việt Nam.	
19.6	Điều 4 Điều 6	5. Bổ sung Khoản 4 Điều 6 như sau	“4. Cơ sở giáo dục xây dựng, khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử để kết nối, chia sẻ dữ liệu học sinh về học bạ số, văn bằng số”.	
<b>20. Thông tư số 30/2024/TT-BGDDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông</b>				
20.1	Khoản 2 Điều 5	<b>Đăng ký tuyển sinh trung học cơ sở</b> 2. Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cụ thể việc đăng ký tuyển sinh đối với các trường trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.	Bãi bỏ	
20.2	Khoản 1 Điều 6	1. Trong năm tổ chức tuyển sinh, mỗi trường trung học “1. Trong năm tổ chức tuyển sinh, mỗi trường trung học cơ sở thành lập 01 (một) Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập, thành phần gồm: Chủ tịch là Hiệu trưởng hoặc quyết định thành lập, thành phần gồm: Chủ tịch là	Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương	

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
20.3	Điểm b, khoản 2, Điều 6	<p>Phó hiệu trưởng; Phó chủ tịch là Phó hiệu trưởng hoặc Tô trưởng chuyên môn; thư ký và ủy viên là giáo viên, nhân viên của nhà trường.Đối với các trường trung học và uy viên là giáo viên, nhân viên của nhà trường, cơ sở thuộc đại học, trường đại học, viện nghiên cứu, Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở do Giám đốc đại học, Hội đồng tuyển sinh Hiệu trưởng trường đại học, Viện trưởng viện nghiên cứu trực tiếp chịu trách nhiệm quyết định thành lập.</p> <p>b) Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở do Phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc đại học, trường đại học, viện nghiên cứu trực tiếp quản lý quy định.</p>	<p>Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng; Phó chủ tịch là Phó hiệu trưởng hoặc Tô trưởng chuyên môn; thư ký và ủy viên là giáo viên, nhân viên của nhà trường.Đối với các trường trung học cơ sở thuộc đại học, trường đại học, viện nghiên cứu, Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở do Giám đốc đại học, Hiệu trưởng trường đại học, Viện trưởng viện nghiên cứu trực tiếp chịu trách nhiệm quyết định thành lập.</p> <p>b) Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đại học, trường đại học, viện nghiên cứu trực tiếp quản lý quyết định thành lập”.</p>	<p>02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p>
20.4	Khoản 1, Điều 7.	<p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở. Kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở bao gồm các nội dung cơ bản sau: đối tượng tuyển sinh; chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh; tiêu chí xét tuyển; thời gian xét tuyển và công bố kết quả tuyển sinh. Kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở được công bố trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.</p> <p>Đối với các trường trung học cơ sở thuộc đại học, trường đại học, viện nghiên cứu, kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở do Giám đốc đại học, Hiệu trưởng trường đại học, viện nghiên cứu trực tiếp quản lý quyết định sau khi thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trường đặt trụ sở”.</p>		

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế			Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
		(1)	(2)	(3)		
20.5	Khoản 3 Điều 7	Đối với các trường trung học cơ sở thuộc đại học, trường đại học, viện nghiên cứu, danh sách học sinh trúng tuyển do Giám đốc đại học, Hiệu trưởng trường đại học, Viện trưởng viện nghiên cứu trực tiếp thẩm định.	3. Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở tổ chức việc xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh đã được phê duyệt; đề xuất danh sách học sinh trúng tuyển với Hiệu trưởng để trình Trường phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.	Đối với các trường trung học cơ sở thuộc đại học, trường đại học, viện nghiên cứu, danh sách học sinh trúng tuyển do Giám đốc đại học, Hiệu trưởng trường đại học, Viện trưởng viện nghiên cứu trực tiếp thẩm định”.	Đối với các trường trung học cơ sở thuộc đại học, trường đại học, viện nghiên cứu, danh sách học sinh trúng tuyển với Hiệu trưởng để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.	“Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã
20.6	Điều 17.	Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện	1. Chỉ đạo công tác tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.	1. Chỉ đạo công tác tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.	1. Chỉ đạo công tác tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.	“Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

STT soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
			(5)
		<p><b>Khoản 3 Điều 18:</b></p> <p>3. Hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo, trường trung học phổ thông thuộc phạm vi quản lý thực hiện công tác tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông.</p>	<p>7. Thực hiện thống kê, thông tin, báo cáo về công tác tuyển sinh trung học cơ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền”.</p>
20.7		<p><b>Khoản 5 Điều 18:</b></p> <p>5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông, bao gồm công tác tuyển sinh của các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, đại học, trường đại học, viện nghiên cứu thuộc phạm vi quản lý.</p>	<p>“3. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông trên địa bàn thực hiện công tác tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông”.</p>
20.8		<p><b>Điều 20. Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Ban chỉ đạo tuyển sinh trung học cơ sở và phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở.</li> <li>Hướng dẫn các trường trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý thực hiện công tác tuyển sinh.</li> <li>Quyết định thành lập các Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở; phê duyệt kết quả tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.</li> <li>Tổ chức kiểm tra công tác tuyển sinh trung học cơ sở của các trường trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.</li> </ol>	<p>“5. Tổ chức kiểm tra công tác tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông, bao gồm công tác tuyển sinh của các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, đại học, trường đại học, viện nghiên cứu trên địa bàn.”</p> <p>Bãi bỏ</p>

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế			Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		5. Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh trung học cơ sở theo quy định của pháp luật. 6. Thực hiện thống kê, thông tin, báo cáo về công tác tuyển sinh trung học cơ sở khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.				
<b>21. Thông tư số 31/2023/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở</b>						
21.1	Khoản 1 Điều 7:	1. Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập theo đề nghị của cơ sở giáo dục. Mỗi cơ sở giáo dục có học sinh học hết lớp 9 trong năm xét công nhận tốt nghiệp thành lập 01 (một) Hội đồng.	1. Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập. Mỗi cơ sở giáo dục có học sinh học hết lớp 9 trong năm xét công nhận tốt nghiệp thành lập 01 (một) Hội đồng.	Tăng cường phân cấp quản lý, giao quyền chủ động cho cơ sở giáo dục.		
21.2	Điểm b, khoản 2 Điều 7	- Lập danh sách học sinh đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp gửi cơ sở giáo dục trình Trưởng phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt;	b. Lập danh sách học sinh đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp gửi hiệu trưởng phê duyệt	Tăng cường phân cấp quản lý, giao quyền chủ động cho cơ sở giáo dục.		
21.3	Khoản 4 Điều 8:	4. Hội đồng gửi hồ sơ đề nghị công nhận tốt nghiệp cho cơ sở giáo dục trình Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, hồ sơ gồm: a) Tờ trình đề nghị công nhận tốt nghiệp; b) Biên bản và danh sách học sinh được đề nghị công nhận tốt nghiệp	4. Hội đồng gửi hồ sơ đề nghị công nhận tốt nghiệp cho cơ sở giáo dục theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp. a) Tờ trình theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp.	Tăng cường phân cấp quản lý, giao quyền chủ động cho cơ sở giáo dục.		
21.4	Khoản 5 Điều 8	5. Trường phòng Giáo dục và Đào tạo ra quyết định công nhận tốt nghiệp cho học sinh theo đề nghị của cơ sở giáo dục.	5. Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận tốt nghiệp cho học sinh theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp.	Tăng cường phân cấp quản lý, giao quyền chủ động cho cơ sở giáo dục.		

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
21.5	Khoản 2 Điều 11	<p><b>Khoản 2 Điều 11:</b></p> <p>2. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra các Phòng Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục tổ chức xét công nhận tốt nghiệp, cấp và quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 11:</b></p> <p>2. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở.</p>	
21.6	Điều 12	<p><b>Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện</b></p> <p>1. Căn cứ quy định tại Quy chế này chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức xép công nhận tốt nghiệp (chuyển sang trách nhiệm của Sở) quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo quy định..</p> <p>2. Bảo đảm nguồn kinh phí và các điều kiện để tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.</p>	<p><b>Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã</b></p> <p>1. Bảo đảm nguồn kinh phí và các điều kiện để tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.</p> <p>2. Lưu trữ hồ sơ đề nghị công nhận tốt nghiệp, danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp và hồ sơ quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo quy định..</p> <p>3. Báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả xét công nhận tốt nghiệp và danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp hàng năm”.</p>	<p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p>
21.7	Điều 13			<p><b>Điều 13. Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo</b></p> <p>1. Hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.</p> <p>2. Ban hành quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>3. Ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp cho học sinh và cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở cho học sinh đã được công nhận tốt nghiệp.</p> <p>4. Lưu trữ hồ sơ đề nghị công nhận tốt nghiệp, danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp và hồ sơ quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo quy định.</p>

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản		Thuyết minh
			(1)	(2)	
				(3)	
21.8	Khoản 2 Điều 14.	5. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện bảo đảm nguồn kinh phí và các điều kiện để tổ chức xét công nhận tốt nghiệp. 6. Báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả xét công nhận tốt nghiệp và danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp.	2. Trình Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp của cơ sở giáo dục.	“2. Ra Quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở”	Tăng cường phân cấp quản lý, giao quyền chủ động cho cơ sở giáo dục.
21.9	Khoản 7 Điều 14	7. Trình Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận tốt nghiệp và công bố danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp sau khi có quyết định công nhận của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo; cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời; tổ chức phát bằng tốt nghiệp cho học sinh được công nhận tốt nghiệp.	7. Ra Quyết định công nhận tốt nghiệp và công bố danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp trung được công nhận tốt nghiệp sau khi có quyết định công nhận của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo; cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời; tổ chức phát bằng tốt nghiệp cho học sinh được công nhận tốt nghiệp.	“Ra Quyết định công nhận tốt nghiệp và công bố danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp trung được công nhận tốt nghiệp sau khi có quyết định công nhận của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo; cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời; tổ chức phát bằng tốt nghiệp cho học sinh được công nhận tốt nghiệp.”	Tăng cường phân cấp quản lý, giao quyền chủ động cho cơ sở giáo dục.
<b>22. Thông tư số 40/2021/TT-BGDDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục.</b>					
22.1	Điều 2	Thông tư này có hiệu lực từ ngày 14 tháng 02 năm 2022. Thông tư này thay thế Thông tư số 13/2011/TT-BGDDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục.	Điều 2. Thông tư này thay thế Thông tư số 13/2011/TT-BGDDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục.	Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện	
22.2	Điều 3	Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học	Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học		

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế	Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
22.3	Khoản 1 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư	<p>trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tu thực và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.</p> <p><b>Điều 5. Phân cấp quản lý</b></p> <p>1. Trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do <b>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện</b> quyết định cho phép thành lập, <b>Ủy ban nhân dân cấp huyện</b> quản lý.</p>	<p>trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do <b>Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại hải đảo</b> (sau đây gọi chung <b>Ủy ban nhân dân cấp cơ sở</b>) quyết định cho phép thành lập, <b>Ủy ban nhân dân cấp cơ sở</b> quản lý</p> <p><b>Điều 5. Phân cấp quản lý</b></p> <p>1. Trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do <b>Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại hải đảo</b> (sau đây gọi chung <b>Ủy ban nhân dân cấp cơ sở</b>) quyết định cho phép thành lập, <b>Ủy ban nhân dân cấp cơ sở</b> quản lý</p>	
22.4	Khoản 2 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư	<p>2. Trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép thành lập, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với <b>Ủy ban nhân dân cấp huyện</b> xây dựng nội dung phối hợp quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục có liên quan của trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông trên địa bàn.</p> <p><b>Điều 5. Phân cấp quản lý</b></p> <p>2. Trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép thành lập, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với <b>Ủy ban nhân dân cấp huyện</b> xây dựng nội dung phối hợp quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục có liên quan của trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông trên địa bàn.</p>	<p>2. Trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép thành lập, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với <b>Ủy ban nhân dân cấp huyện</b> xây dựng nội dung phối hợp quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục có liên quan của trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông trên địa bàn.</p> <p><b>Điều 7. Hội đồng trường</b></p> <p>3. b) <b>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện</b> quyết định công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung</p>	<p>Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện</p>
22.5	Điểm b khoản 3 Điều 7 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư	<p><b>Điều 7. Hội đồng trường</b></p> <p>3. b) <b>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở</b> quyết định công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có</p>		

STT	Văn bản rà soát bổ sung	Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế			Nội dung dự thảo văn bản	Thuyết minh
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
					cấp học cao nhất là trung học cơ sở; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường đối với trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, trường trung học phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông. Thủ ký hội đồng trường do chủ tịch hội đồng trường chỉ định	cấp học cao nhất là trung học cơ sở; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường đối với trường trung học phổ thông, trường phổ thông, trường học phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông. Thủ ký hội đồng trường do chủ tịch hội đồng trường chỉ định
22.6	Điểm a khoản 3 Điều 9 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư			<b>Điều 9. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng</b> 3. Thẩm quyền công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	<b>Điều 9. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng</b> 3. Thẩm quyền công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	<b>Điều 9. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng</b> 3. Thẩm quyền công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng